



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023*

## **THÔNG BÁO**

### **Về việc mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty như sau:

- 1. Thời gian: 9 giờ 00 ngày 18 tháng 4 năm 2023 (thứ Ba)**
- 2. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè** (Lầu 2 - số 1179 đường Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, phường Tân Phong, Quận 7, Tp. HCM)
- 3. Nội dung Đại hội:**

- Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch năm 2023.

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023.

- Báo cáo của Ban kiểm soát về công tác năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023.

- Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán.

- Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.

- Trình về tiền lương và mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023.

- Trình xem xét và lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2023.

- Báo cáo kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2022 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2023; trình tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch cho đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Trình Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

Quý Cổ đông có thể tải tài liệu trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: [www.capnuocnhabe.vn](http://www.capnuocnhabe.vn) từ ngày 29/3/2023.

#### 4. Thành phần tham dự:

Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè theo danh sách do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập tại ngày 22/3/2023.

Trường hợp Quý cổ đông không thể trực tiếp tham dự thì có thể ủy quyền cho người đại diện tham dự hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty gửi kèm theo Thư mời hoặc theo quy định pháp luật dân sự. Trường hợp ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Quý Cổ đông vui lòng gửi Giấy ủy quyền đến văn phòng Công ty để hoàn tất thủ tục ủy quyền trước khi khai mạc cuộc họp.

#### 5. Đăng ký tham dự:

Để công tác tổ chức được chu đáo, Quý Cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội theo mẫu “*Giấy xác nhận tham dự/ Ủy quyền tham dự Đại hội*” gửi kèm Thư mời và gửi về văn phòng Công ty - **Số 1179 đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 4, phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh** hoặc gửi đến hộp thư điện tử [nbw.tchc@gmail.com](mailto:nbw.tchc@gmail.com) trước 16h00 ngày 14/4/2023.

Khi đến tham dự họp, Quý cổ đông/người được ủy quyền vui lòng mang theo Thư mời, Giấy xác nhận tham dự, CMND/CCCD hoặc hộ chiếu (bản chính), Giấy ủy quyền (bản chính, nếu là người được ủy quyền) để làm thủ tục đăng ký tham dự.

Thông báo này thay thế cho Thư mời gửi cho từng cổ đông trong trường hợp cổ đông không nhận được Thư mời qua đường bưu điện.

Nếu cần biết thêm thông tin về công tác tổ chức Đại hội, Quý cổ đông liên hệ Phòng Tổ chức hành chính Công ty theo số điện thoại **1900 1210 (số nội bộ 102)** hoặc ông **Phạm Bá Hoan, điện thoại 0938 356 273**.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Lê Trọng Hiếu



**CHƯƠNG TRÌNH**  
**HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>
08h30' – 09h00'	Cổ đông đăng ký tham dự.
09h00' – 09h10'	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
09h10' – 09h20'	Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu.
09h20' – 10h20'	Đại hội lần lượt xem xét thông qua các vấn đề sau: <ol style="list-style-type: none"><li>1. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.</li><li>2. Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội và Chương trình làm việc của Đại hội.</li><li>3. Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch năm 2023.</li><li>4. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023.</li><li>5. Báo cáo của Ban kiểm soát về công tác năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023.</li><li>6. Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán và Báo cáo của kiểm toán độc lập.</li><li>7. Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.</li><li>8. Tờ trình về tiền lương và mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023.</li><li>9. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.</li><li>10. Báo cáo kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2022 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2023; trình tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch cho đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.</li><li>11. Trình Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.</li></ol>

Thời gian	Nội dung
10 <sup>h</sup> 20' – 10 <sup>h</sup> 40'	<b>Nghỉ giải lao (dùng bánh ngọt, trái cây, trà, cà phê,...)</b>
10 <sup>h</sup> 40' – 11 <sup>h</sup> 00'	12. Công bố kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông. 13. Thông qua nghị quyết Đại hội. 14. Thông qua biên bản Đại hội. 15. Bế mạc Đại hội.



## BÁO CÁO

### Kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch năm 2023

#### I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022:

##### A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Về mặt chủ trương, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè năm 2022 được căn cứ và định hướng theo nội dung Nghị quyết số 01/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết 43/NQ-CNNB-HĐQT ngày 28/02/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty và nhiệm vụ tiếp tục duy trì chỉ tiêu 100% hộ dân được cung cấp nước sạch theo Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2022.

- Về điều kiện thực tế, tình hình dịch bệnh Covid 19 kéo dài trong những tháng đầu năm gây khó khăn cho hoạt động quản lý cấp nước; việc áp dụng giá nước năm 2022 theo lộ trình giai đoạn 2019 – 2022 tại Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố là mặt thuận lợi về nguồn thu, giúp Công ty hoàn thành nhiệm vụ năm 2022.

- Ban điều hành xin báo cáo kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2022 như sau:

##### B. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT- KINH DOANH- TÀI CHÍNH NĂM 2022:

###### 1) Về kinh doanh nước sạch:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh TH/KH (%)
1. Sản lượng nước tiêu thụ	1.000m <sup>3</sup>	72.500	71.105	98,08
2. Doanh thu tiền nước	Triệu đồng	838.463	845.977	100,90
<i>Trong đó: DT Long An</i>	Triệu đồng	12.023	12.569	104,54
3. Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,0	12,74	-1,26

- Công ty thực tốt chương trình cấp nước an toàn, đảm bảo tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch, gần 138.000 đầu nối tại các vùng phục vụ cấp nước Quận 4, Quận 7 và

Huyện Nhà Bè với chất lượng nước theo tiêu chuẩn quy định, đủ áp lực cho nhu cầu sử dụng. Và tiếp tục cấp nước ổn định đến các xã vùng hạ Huyện Cần Giuộc, Long An.

- Với chỉ tiêu kế hoạch sản lượng nước tiêu thụ năm 2022 thực hiện là 71.104.720 m<sup>3</sup> tăng 1.500.148 m<sup>3</sup> so với năm 2021 nhưng do việc ngưng hoạt động nhiều tháng vì ảnh hưởng dịch bệnh Covid -19 kéo dài, các cơ sở kinh doanh - dịch vụ, các trường học, Khu Chế xuất, Khu công nghiệp đang trong giai đoạn hồi phục, chưa thể hoạt động bình thường như thời điểm chưa xảy ra dịch bệnh nên trong quý I/2022 sản lượng đạt thấp hơn so với kế hoạch là 1.381.423 m<sup>3</sup> dẫn đến sản lượng tiêu thụ năm 2022 chỉ đạt 98,08% so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên lượng nước cung cấp tại các xã vùng hạ Huyện Cần Giuộc, Long An luôn ổn định và đạt trên 1,441 triệu m<sup>3</sup>.

- Doanh thu tiền nước thực hiện năm 2022 đạt tỷ lệ 100,9% so với kế hoạch đề ra và tăng 103,51 tỉ đồng so với năm 2021 (742,466 tỉ đồng) là do áp dụng đơn giá nước mới từ tháng 01/2022 theo lộ trình giai đoạn 2019-2022. Đồng thời Công ty luôn chủ động thực hiện tốt công tác quản lý giá bán bình quân qua việc thường xuyên theo dõi, kiểm soát định mức nước, áp giá biểu đúng đối tượng, truy thu lượng nước thất thoát, nhờ vậy giá bán bình quân năm 2022 (11.897 đ/m<sup>3</sup>) tăng 2,88% so với đơn giá bán kế hoạch (11.565đ/m<sup>3</sup>) đã góp phần tăng trưởng doanh thu.

- Về công tác giảm thất thoát nước: Công tác chống thất thoát nước luôn được quan tâm và tập trung thực hiện thông qua việc phân công lộ trình dò tìm và sửa chữa rò rỉ chặt chẽ. Đồng thời áp dụng công nghệ thông tin trong công tác giảm thất thoát nước, đẩy mạnh phân vùng tách mạng, tích cực chủ động dò tìm bể ngầm và điều phối áp lực các DMA hợp lý. Bên cạnh đó công tác kiểm tra gian lận đã xử lý 42 trường hợp với số tiền truy thu được khoảng 3,46 tỉ đồng tương đương lượng nước là 206.539 m<sup>3</sup>. Kết quả thực hiện việc giảm tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2022 đạt tỷ lệ là 12,74% giảm 1,26% so với kế hoạch (14%), giảm 3,84% so với cùng kỳ năm 2021 (16,58%).

## **2) Về công tác chăm sóc khách hàng, phát triển mạng lưới:**

- Để duy trì chỉ tiêu 100% hộ dân được sử dụng nước sạch theo Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2022, Công ty đã thực hiện gắn mới được 2.868 đồng hồ nước cho khách hàng có nhu cầu, đạt 143,4% kế hoạch năm (trong đó, Quận 4 là 118 cái; Quận 7: 1.114 cái và Huyện Nhà Bè: 1.593 cái).

- Công tác kiểm soát đầu nối, chăm sóc khách hàng, kiểm tra các chỉ số đồng hồ nước được thực hiện thường xuyên nên trong năm 2022 đã thay 33.391 cái đồng hồ nước cỡ nhỏ - đạt 101,18% so với kế hoạch và 55 cái đồng hồ nước cỡ lớn – đạt 110% so với kế hoạch.

- Công ty đã triển khai kế hoạch và tổ chức thu thập cập nhật số định danh cá nhân và quản lý định mức nước sinh hoạt, sử dụng hoá đơn điện tử trong giao dịch khách hàng, tăng cường mở rộng các ứng dụng thanh toán tiền nước không sử dụng tiền mặt; cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng qua ứng dụng chăm sóc khách hàng

(CSKH.NBW), hệ thống Call Center đường dây nóng (1901210), giải đáp mọi thắc mắc của khách hàng, đảm bảo ý kiến của khách hàng được lắng nghe, ghi nhận và phản hồi trong thời gian sớm nhất. Bên cạnh đó, Công ty đã khai trương Phòng Giao dịch Huyện Nhà Bè tại địa chỉ 803 Nguyễn Văn Tạo – xã Hiệp Phước – Huyện Nhà Bè vào ngày 30/8/2022 nhằm giúp người dân Huyện Nhà Bè thuận tiện hơn trong việc thực hiện các giao dịch về nhu cầu cấp nước.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022	Thực hiện năm 2022	Số sánh TH/KH 2022 (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=2/1$
1. Gắn mới ĐHN cỡ nhỏ	Cái	2.000	2.868	143,40
2. Gắn mới ĐHN cỡ lớn	Cái	03	-	-
3. Thay ĐHN cỡ nhỏ	Cái	33.000	33.391	101,18
4. Thay ĐHN cỡ lớn	Cái	50	55	110,00

### 3) Về công tác thu tiền nước:

Quy mô kinh doanh của Công ty tăng dần qua từng năm, với doanh thu tiền nước năm 2022 đạt được 845,977 tỉ đồng tăng 103,51 tỉ đồng so với năm 2021 (742,466 tỉ đồng) công tác thu hồi nợ luôn được chú trọng bằng nhiều giải pháp, như thực hiện công tác khoán quỹ lương cho 02 Đội Quản lý khách hàng, đồng thời tiến hành rút đột đối với công tác ghi chỉ số nước từ 20 đột xuống còn 12 đột (từ tháng 9/2022)...; nhờ vậy đã giúp cho công tác thu hồi nợ đạt hiệu quả cao, tỷ lệ thực thu năm 2022 đạt 99,48% cao hơn năm 2021 (97,72%) là 1,76%.

### 4) Về công tác xây dựng cơ bản:

Năm 2022, Công ty đã thi công hoàn thành 100% các công trình xây dựng cơ bản, với khối lượng 7.315 mét ống phát triển và 12.002 mét ống cải tạo ống mục, xây dựng được 4 hầm đồng hồ tổng (có 1 hầm không làm được do không thoả thuận được hướng tuyến). Bên cạnh đó Công ty đang chuẩn bị hồ sơ đấu thầu thi công hạng mục công trình sửa chữa lớn: cải tạo hàng rào xung quanh Công ty, xây dựng Trung tâm điều hành cấp nước thông minh IOC, cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc Công ty.

### 5) Về kết quả tài chính:

- Công tác quản lý tài chính thực hiện năm 2022: Công ty thực hiện theo đúng quy định pháp luật, tuân thủ theo các chế độ kế toán hiện hành và xây dựng nền tài chính doanh nghiệp lành mạnh; hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với ngân sách Nhà nước, bảo toàn nguồn vốn Nhà nước, vốn cổ đông. Việc mua sắm thực hiện theo Nghị quyết số 43/NQ-CNNB-HĐQT ngày 28/02/2022 của Hội đồng quản trị phê duyệt. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh TH/KH (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	842.063	855.531	101,60%
2. Tổng chi phí	Triệu đồng	818.815	828.579	101,19%
3. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	23.248	26.952	115,93%

- Năm 2022, tuy sản lượng nước chỉ đạt 98,08% kế hoạch, nhưng tổng doanh thu đạt 855,5 tỉ đồng, bằng 101,60% kế hoạch và đạt 115,93% lợi nhuận kế hoạch với tổng lợi nhuận trước thuế là 26,952 tỉ đồng.

### 6) Về công tác quản trị doanh nghiệp và thông tin cổ phiếu NBW năm 2022

- Tập trung thực hiện một số chỉ tiêu quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh (sản lượng, doanh thu, tỷ lệ thất thoát nước,...) để hoàn thành nhiệm vụ thi đua hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

- Công ty đã thực hiện thuê dịch vụ kiểm toán nội bộ về tình hình hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, với Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt.

- Về công tác quản lý kỹ thuật, tiếp tục hoàn thiện dữ liệu về hệ thống cấp nước và quản lý khách hàng trên nền tảng NhaBeGis, vận hành hiệu quả phần mềm “Quản lý sự cố” để kiểm soát tốt các điểm rò rỉ, qua đó xử lý sửa bể kịp thời, phân công tổ trực sửa bể 24/24 trong những ngày thực nghỉ lễ, tết..

- Áp dụng hệ thống ISO 9001-2015, tổ chức đánh giá việc thực hiện chức năng nhiệm vụ và quy trình chuyên môn nghiệp vụ của từng Phòng, ban, đội, xí nghiệp nhằm nâng cao công tác quản lý của các bộ phận. Qua đó nâng cao được hiệu quả chất lượng công việc .

- Công ty đã thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đầy đủ, kịp thời theo quy định hiện hành.

- Thông tin cổ phiếu NBW năm 2022: Thống kê cổ phiếu Công ty (NBW) được giao dịch trên thị trường chứng khoán từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022 tại trang “cophieu68.vn” như sau:

+ Tổng khối lượng cổ phiếu khớp lệnh là: 465.239 cổ phiếu.

+ Giá khớp lệnh thấp nhất: 16.300 đồng/cổ phiếu; Giá khớp lệnh cao nhất: 33.200 đồng/cổ phiếu.

### 7) Đánh giá chung:

#### ❖ Mặt làm được:

Công ty duy trì được các yếu tố phát triển bền vững thể hiện qua các điểm sau:



- Thực hiện tốt chương trình cấp nước an toàn theo kế hoạch chung, hoàn thành các chỉ tiêu phát triển mạng lưới và khách hàng, đảm bảo 100% hộ dân vùng phục vụ được cung cấp nước sạch và tiếp tục cấp nước ổn định đến các vùng hạ Huyện cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Thực hiện tốt công tác chống thất thoát nước, tỷ lệ bình quân năm 2022 đạt 12,74% thấp hơn kế hoạch (14%) là 1,26%.

- Quản lý tốt về mặt tài chính, lợi nhuận tăng 15,93% (4,95 tỉ đồng) so với kế hoạch, đảm bảo được tỷ lệ cổ tức cho cổ đông.

- Công ty chủ động triển khai kiểm soát được dữ liệu khách hàng, giải quyết nhanh hồ sơ khách hàng qua kênh trực tuyến. Kiểm soát được việc sử dụng nước của khách hàng lớn và khai thác được công nghệ trong hoạt động cấp nước.

❖ **Mặt hạn chế:**

- Sản lượng tiêu thụ chưa đạt như kỳ vọng do các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ chưa thật sự hoạt động ổn định ở những tháng đầu năm.

- Vẫn còn một số khách hàng gian lận trong sử dụng nước: đấu nối bất hợp pháp, cắt T ống ngành, can thiệp vào ĐHN.

- Trung tâm điều hành cấp nước thông minh (IOC) chưa kịp tiến độ đề ra: mức đầu tư thiết bị công nghệ thông tin và các ứng dụng phần mềm quản lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh chưa đáp ứng yêu cầu định hướng xây dựng doanh nghiệp cấp nước thông minh tại khu đô thị kiểu mẫu Quận 7 và mô hình “Thành phố thông minh”

## II. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ NĂM 2023:

### 1) Chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu năm 2023:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tăng trưởng so với TH 2022 (%)
1. Sản lượng nước tiêu thụ	1.000M <sup>3</sup>	71.105	72.500	+1,96%
2. Tổng doanh thu	Tr.đ	855.531	873.234	+2,07%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	26.952	27.900	+3,52%

### 2) Nhiệm vụ trọng tâm:

- *Một là, cấp nước an toàn và tăng sản lượng:* tập trung nâng cao năng lực cấp nước trên cơ sở triển khai quyết liệt việc phát triển mạng lưới cấp nước và gắn mới đồng hồ nước; duy trì bền vững chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng lượng nước cung cấp qua việc thực hiện tốt Chương trình cấp nước an toàn trên vùng phục vụ cấp nước tại Quận 4, Quận 7, huyện Nhà Bè và tiếp tục cấp nước an toàn,



hiệu quả trên vùng cấp nước mở rộng tại các xã vùng hạ, Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An;

- Hai là giảm thất thoát nước, giảm chi phí kinh doanh và tăng trưởng doanh thu: tiết kiệm chi phí kinh doanh; tiếp tục triển khai các giải pháp chuyên sâu về giảm nước thất thoát thất thu, nhằm thực hiện được mục tiêu giảm bền vững thất thoát nước, phấn đấu đạt tỷ lệ theo lộ trình đã được phê duyệt, tiệm cận đến tỷ lệ thất thoát nước kinh tế; kiểm soát tốt các chỉ tiêu kinh doanh (chỉ số nước, giá biểu, định mức nước) tăng giá bán bình quân;

- Ba là, nâng cao chất lượng làm việc và trình độ quản trị doanh nghiệp: có giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ khách hàng trên cơ sở đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng mức ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng tiện lợi hơn cho khách hàng; nâng cao năng lực của cán bộ về mặt chỉ huy và tham mưu giỏi trong thực hiện nhiệm vụ.

### 3) Giải pháp thực hiện:

Để thực hiện nhiệm vụ trọng tâm và các chỉ tiêu nêu trên, Công ty sẽ triển khai các giải pháp thực hiện như sau:

- Có giải pháp điều phối áp lực nước trong điều kiện tiếp nhận nguồn nước BOO Thủ đức theo các chế độ bơm và nguồn nước tăng thêm từ tuyến cấp 2 mới vận hành đảm bảo hai yếu cầu: một là, đủ nước cho nhu cầu sử dụng trên toàn vùng phục vụ cấp nước để tăng sản lượng; hai là, kiểm soát được tỷ lệ thất thoát nước trên tiểu vùng DMA; triển khai giải pháp mô phỏng WaterGem tại các DMA trên địa bàn Quận 4, Quận 7 để thực hiện tốt kế hoạch giảm thất thoát nước năm 2023;

- Đẩy mạnh công tác phân vùng tách mạng, thiết lập hoàn chỉnh các tiểu vùng DMA; đến cuối năm 2023, vận hành tất cả các DMA trên địa bàn, để kiểm soát thất thoát nước hữu hình; có chương trình kiểm tra thường xuyên và kiểm tra chuyên đề nhằm đánh giá việc thực hiện đúng quy định nghiệp vụ kinh doanh và việc sử dụng nước của khách hàng để kiểm soát thất thoát nước vô hình;

- Nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý mạng lưới cấp nước; đầu tư thiết bị công nghệ có chức năng kiểm soát ngày càng tốt hơn về áp lực và chất lượng nước trên một số tuyến ống (từ thí điểm đến mở rộng); trong đó, sử dụng các loại vật tư có tích hợp công nghệ thông minh, đầu tư tăng số lượng các điểm quan trắc trực tuyến và nâng cao hơn nữa chất lượng công tác giám sát chất lượng nước; tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu NHABEGIS với độ tin cậy cao, đảm bảo cho mục tiêu cấp nước an toàn và thực hiện chủ trương hiện đại hoá dần công tác quản lý cấp nước;

- Tổ chức hoạt động hiệu quả các mặt công tác của 02 Đội Quản lý khách hàng theo địa bàn để thực hiện đồng thời nhiệm vụ đọc số và quản nợ tiền nước; thực hiện quyết liệt giải pháp quản lý khách hàng; kiểm soát tốt các chỉ tiêu kinh doanh về lượng nước tiêu thụ, giá biểu theo đối tượng, định mức nước... có ảnh hưởng đến giá bán bình quân và tăng trưởng doanh thu tiền nước; nghiên cứu, sớm triển khai các giải pháp đọc số theo từng khu vực DMA để đánh giá chất lượng công tác của công nhân viên và hiệu quả kinh

tế theo từng tiểu vùng cấp nước; áp dụng các biện pháp kinh tế kích cầu tiêu dùng nước đối với khách hàng tập thể; thực hiện dịch vụ cấp nước ngày càng tốt hơn đối với tất cả khách hàng;

- Xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm điều hành cấp nước thông minh (IOC) Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè, phục vụ cho việc quản lý, vận hành hiệu quả mạng lưới cấp nước và hỗ trợ cho việc ra quyết định mục tiêu về sửa chữa và xây dựng hệ thống cấp nước; chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật về lựa chọn công nghệ truyền dữ liệu thông minh trên cơ sở thống nhất về mặt kỹ thuật để có thể kết nối dữ liệu đồng bộ và phù hợp với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và cho phép mở rộng dần việc kết chuyển dữ liệu và những năm tiếp theo;

- Triển khai thực hiện các công tác đầu tư xây dựng cơ bản đúng về quy định, nhanh về tiến độ; với yêu cầu đảm bảo chất lượng thi công công trình; đảm bảo các tiêu chí quản lý về vật tư cấp nước và thời gian sử dụng công trình;

- Xây dựng các giải pháp làm việc trực tuyến; xây dựng môi trường làm việc ngày càng lịch sự và tiện lợi hơn qua việc triển khai tích cực Công trình đầu tư, sửa chữa nâng cấp Văn phòng làm việc theo Nghị quyết đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

*Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2022, kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu theo phương hướng nhiệm vụ năm 2023.*

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ Công ty;
- HĐQT Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Ban Giám đốc Cty;
- Lưu VT, HS.



GIÁM ĐỐC *ll*

Lý Thành Tài



CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾT QUẢ SẢN XUẤT-KINH DOANH-TÀI CHÍNH NĂM 2022**  
Đính kèm Báo cáo số 0391 /BC-CNNB-KHVTTH ngày 17/3/2023

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh TH và KH 2022
<b>A. SẢN XUẤT – KINH DOANH</b>				
1. Sản lượng nước tiêu thụ	1.000m <sup>3</sup>	72.500	71.105	98,08%
2. Gắn mới ĐHN cỡ nhỏ	Cái	2.000	2.868	143,40%
3. Gắn mới ĐH cỡ lớn	Cái	03	-	-
4. Thay ĐHN nhỏ	Cái	33.000	33.391	101,18%
5. Thay ĐHN lớn	Cái	50	55	110%
6. Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,00	12,74	-1,26%
<b>B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>				
1. Phát triển mạng lưới				
- Khối lượng	Mét	7.871	7.315	92,94%
- Giá trị giải ngân	Tr.đồng	15.624	9.758	62,46%
2. Sửa chữa ống mục				
- Khối lượng	Mét	11.470	12.002	104,64%
- Giá trị giải ngân	Tr.đồng	20.149	14.543	72,18%
3. Hàm đồng hồ tổng				
- Khối lượng	Cái	05	04	80%
- Giá trị giải ngân	Tr.đồng	1.172	296	25,26%
<b>C. MUA SẴM THIẾT BỊ</b>				
1. Mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác giảm thất thoát nước năm 2022	Triệu đồng	8.650	2.522	29,16%
2. Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin	Triệu đồng	9.900	8.605	86,92%
3. Sửa chữa, nâng cấp phòng làm việc, công trình nội bộ công ty	Triệu đồng	15.618	540	3,46%
<b>D. TÀI CHÍNH</b>				
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	842.063	855.531	101,60%
2. Tổng chi phí	Triệu đồng	818.815	828.579	101,19%
3. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	23.248	26.952	115,93%



Số: 0412 /BC-CNNB-HDQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO**

**Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022  
và phương hướng hoạt động năm 2023**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè báo cáo hoạt động năm 2022 của Công ty như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022**

**1) Nhân sự của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty gồm 07 thành viên, trong đó 04 thành viên là Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV. Cụ thể nhân sự Hội đồng quản trị gồm:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu	
			S.lượng	Tỉ lệ (%)	S.lượng	Tỉ lệ (%)
1	Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch	0	0	1.456.318 (Sawaco)	13,36
2	Bùi Thanh Giang	Thành viên	0	0	1.456.318 (Sawaco)	13,36
3	Lý Thành Tài	Thành viên	6.700	0,061	1.456.318 (Sawaco)	13,36
4	Lý Bửu Nghĩa	Thành viên	0	0	1.456.318 (Sawaco)	13,36
5	Nguyễn Thanh Tùng (miễn nhiệm tại ĐHCĐ ngày 21/4/2022)	Thành viên	0	0	1.090.000 (Đông Á Bank)	10,00
	Võ Tấn Bảo Quang (bổ nhiệm tại ĐHCĐ ngày 21/4/2022)		0	0		
6	Lục Chánh Trường	Thành viên	0	0	2.182.000	20,02
7	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	0	0	(REE Water)	

## 2) Về hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật. Thành viên Hội đồng quản trị là những người kinh nghiệm trong công tác quản trị doanh nghiệp và có tâm huyết đối với các hoạt động tại Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự đầy đủ các phiên họp và thể hiện được tinh thần trách nhiệm, tính cẩn trọng và thực hiện đúng thẩm quyền trong việc thông qua các quyết định thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2022.


Hội đồng quản trị đã chủ trì và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, chính xác theo đúng quy định.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện 06 phiên họp trực tiếp định kỳ, 02 lần bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời xem xét, thông qua các nghị quyết liên quan đến các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ chức năng đại diện chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời, đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Các thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành trách nhiệm của người quản lý Công ty, phối hợp hiệu quả với Ban kiểm soát trên tinh thần trách nhiệm vì công việc và sự phát triển của Công ty.

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung thông qua
1.	42/NQ-CNNB-HĐQT	24/01/2022	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Phó Giám đốc Kỹ thuật Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè. <i>(Lấy ý kiến bằng văn bản)</i>
2.	43/NQ-CNNB-HĐQT	28/02/2022	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết quả sản xuất – kinh doanh – tài chính năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022</li><li>- Báo cáo về đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2021</li><li>- Báo cáo về đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2022</li><li>- Kế hoạch sản xuất – kinh doanh – tài chính và kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022</li><li>- Bổ sung ngành, nghề kinh doanh “sản xuất điện” vào danh mục ngành, nghề kinh doanh của Công ty</li><li>- Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022</li></ul>
3.	44/NQ-CNNB-HĐQT	21/3/2022	<ul style="list-style-type: none"><li>- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021.</li><li>- Tài liệu và công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, gồm có:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022.</li></ul></li></ul>

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung thông qua
			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.</li> <li>+ Báo cáo công tác của Ban kiểm soát năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.</li> <li>+ Trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 - 2022.</li> <li>+ Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.</li> <li>+ Tiền lương và thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên năm 2022.</li> <li>+ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo và quyết định hợp đồng mua bán si nước sạch.</li> <li>+ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.</li> <li>+ Bổ sung ngành, nghề kinh doanh Sản xuất điện vào danh mục ngành, nghề kinh doanh của Công ty.</li> <li>+ Sửa đổi bổ sung Điều lệ và ban hành các Quy chế: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</li> <li>+ Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2017 - 2022; bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2022 - 2027.</li> </ul>
4.	01/NQ-CNNB-HĐQT	21/4/2022	<p>Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm Ban điều hành Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bầu ông Lê Trọng Hiếu – Chủ tịch HĐQT</li> <li>- Bổ nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ông Lý Thành Tài – Giám đốc</li> <li>+ Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Phó Giám đốc Kỹ thuật</li> <li>+ Bà Vũ Thị Thùy Nga – Kế toán trưởng</li> </ul> </li> </ul>
5.	02/NQ-CNNB-HĐQT	20/6/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả sản xuất – kinh doanh – tài chính Quý I/2022 và phương hướng, nhiệm vụ 9 tháng cuối năm 2022</li> <li>- Thành lập 02 Đội QLMLCN trực thuộc Công ty</li> <li>- Kế hoạch lao động và quỹ tiền lương năm 2022</li> <li>- Đơn giá mua si nước sạch năm 2022 giữa Công ty và Tổng Công ty CNSG</li> <li>- Bổ nhiệm bà Nguyễn Ngọc Trang - Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty</li> <li>- Lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC làm đơn vị kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty</li> </ul>
6.	03/NQ-CNNB-HĐQT	10/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả sản xuất – kinh doanh – tài chính 6 tháng đầu năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022</li> <li>- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022</li> </ul>



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung thông qua
			- Điều chỉnh mức trích khen thưởng trong công tác chống thất thoát nước.
7.	04/NQ-CNNB-HĐQT	29/9/2022	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Hoàng Tuấn – Phó Giám đốc Công nghệ thông tin CTY cổ phần Cấp nước Nhà Bè. (Lấy ý kiến bằng văn bản)
8.	05/NQ-CNNB-HĐQT	03/11/2022	- Kết quả sản xuất – kinh doanh – tài chính 9 tháng và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2022 - Kế hoạch sản xuất – kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm năm 2023

### 3) Kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022

#### 3.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

Năm 2022, việc kiểm soát tốt dịch Covid-19 đã góp phần khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, qua đó, nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân, doanh nghiệp dần tăng trưởng trở lại, bên cạnh đó cũng không ít khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, Công ty vẫn thực hiện tốt chương trình cấp nước an toàn cho nhu cầu sinh hoạt của hộ gia đình và sản xuất - kinh doanh của các tổ chức trên vùng phục vụ cấp nước Quận 4, Quận 7, huyện Nhà Bè và các xã vùng hạ huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, qua trên 136.000 đầu nối, với chất lượng nước theo tiêu chuẩn quy định và đủ áp lực cho nhu cầu sử dụng, duy trì chỉ tiêu 100% hộ dân trong vùng phục vụ được cấp nước sạch của Công ty.

**Sản lượng nước tiêu thụ:** năm 2022 thực hiện là 71.104.720 m<sup>3</sup> tăng 1.500.148 m<sup>3</sup> so với năm 2021, tuy tình hình dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát nhưng chưa chấm dứt hoàn toàn, lại còn ảnh hưởng bởi chiến tranh Ukraina-Nga, chính sách Zero Covid của Trung Quốc và kinh tế thế giới khó khăn nên các doanh nghiệp sản xuất, nhiều cơ sở kinh doanh - dịch vụ, trường học, Khu Chế xuất, Khu công nghiệp chưa thể hoạt động bình thường như thời điểm trước đây, vì thế nên trong quý I/2022 sản lượng đạt thấp hơn so với kế hoạch là 1.381.423 m<sup>3</sup> dẫn đến sản lượng tiêu thụ năm 2022 chỉ đạt 98,08% so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên lượng nước cung cấp tại các xã vùng hạ Huyện Cần Giuộc, Long An luôn ổn định và đạt trên 1,441 triệu m<sup>3</sup>.

**Tổng doanh thu:** đạt 855,531 triệu đồng tăng 11,59% so với cùng kỳ năm trước (766,613trđ)

**Lợi nhuận trước thuế:** Với các giải pháp nâng cao năng lực quản trị hiệu quả, Công ty đạt lợi nhuận trước thuế 26.952 triệu đồng.

#### 3.2 Chi trả cổ tức năm 2021 trong năm 2022:

Công ty trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 12%, tổng số tiền chi trả 13.080.000.000 đồng. Thời gian chi trả: ngày 15/7/2022.

#### 3.3 Thù lao của Hội đồng quản trị trong năm 2022:

Chế độ tiền lương, thù lao của người quản lý Công ty được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền



lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

Đối với người quản lý chuyên trách gồm có Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán Trưởng, tiền lương áp dụng theo hệ thống thang, bảng lương hiện hành của Công ty với tổng số tiền lương thực hiện là 90.122 triệu đồng (bình quân 18.982 triệu đồng/tháng/người); đối với người quản lý không chuyên trách, thù lao thực hiện theo quyết định tại Nghị quyết số 01/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, trong đó: Thành viên Hội đồng quản trị là 7 triệu đồng/tháng/người và Kiểm soát viên là 3,5 triệu đồng/tháng/người.

### **3. 4 Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn:**

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị đã xem xét và thông qua ban hành nghị quyết 02/NQ-CNNB-HĐQT ngày 20/6/2022 về đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2022, Công ty thực hiện hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2022 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (cổ đông lớn nắm giữ 53,44% vốn điều lệ Công ty) với giá trị là 580,58 tỉ đồng.

### **3. 5 Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính năm 2022:**

Hội đồng quản trị đã ban hành nghị quyết 02/NQ-CNNB-HĐQT ngày 20/6/2022 về việc chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC làm đơn vị kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài khóa 2022.

### **3. 6 Bổ sung ngành, nghề kinh doanh “sản xuất điện” vào danh mục ngành, nghề kinh doanh của Công ty:**

Công ty đã gửi thông báo số 0940/TB-CNNB-TCHC ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - bổ sung ngành nghề kinh doanh Sản xuất điện (chi tiết: Điện mặt trời mái nhà) cho Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và đã được chấp thuận thông qua Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 12/5/2022.

### **3. 7 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các Quy chế của Công ty:**

Ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; các quy chế gồm: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty ban hành theo đúng quy định.

## **4) Đánh giá công tác điều hành của Ban Giám đốc**

Giám đốc Công ty thể hiện đúng mối quan hệ công tác với Hội đồng quản trị theo Điều lệ Tổ chức - hoạt động, Quy chế về quản trị nội bộ Công ty và theo ủy quyền của Hội đồng quản trị Công ty đối với các giao dịch mua bán với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Trong quản trị doanh nghiệp, Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành về chế độ tài chính, nghĩa vụ thuế và phí bảo hiểm. Trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Giám đốc Công ty thể hiện tốt vai trò chỉ huy; chỉ đạo triển khai tích cực các giải pháp quản lý dòng tiền kinh doanh, giảm nước thất thoát, tăng trưởng sản lượng và doanh thu, bảo đảm hiệu quả kinh doanh theo định hướng tại các nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty.

Ban Giám đốc có những điều chỉnh, thay đổi kịp thời trong công tác tổ chức, cải tiến quy trình làm việc để hoàn thiện bộ máy sản xuất kinh doanh và quản lý công việc hiệu quả hơn.

Mối quan hệ trong nội bộ Ban Giám đốc Công ty là khá tốt qua sự phân công nhiệm vụ cụ thể. Các thành viên Ban Giám đốc có năng lực công tác, có chuyên môn giỏi, được tập thể người lao động tin nhiệm và thể hiện được tính thống nhất trong các quyết định thuộc các lĩnh vực chuyên môn cấp nước về mặt kinh doanh và kỹ thuật. Nhờ vậy, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đối với các chỉ tiêu còn nhiều khó khăn, nhưng lợi nhuận vẫn đạt hiệu quả.

## II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

### 1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2023;

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tăng trưởng so với TH 2022 (%)
<b>A. SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
1. Sản lượng nước tiêu thụ	1.000m <sup>3</sup>	71.105	72.500	+1,96%
2. Doanh thu tiền nước	Tr.đ	845.978	868.234	+2,63%
3. Tỷ lệ thất thoát nước	%	12,74	13,50	
4. Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch	%	100,00	100,00	
<b>B. TÀI CHÍNH</b>				
1. Tổng doanh thu	Tr.đ	855.531	873.234	+2,07%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	26.952	27.900	+3,52%

### 2. Phương hướng phát triển và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023

Trên cơ sở kế hoạch Sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển năm 2023 của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022 – 2027 xây dựng phương hướng hoạt động năm 2023 như sau:

*Một là, cấp nước an toàn và tăng sản lượng:* tập trung nâng cao năng lực cấp nước trên cơ sở triển khai quyết liệt việc phát triển mạng lưới cấp nước và gắn mới đồng hồ nước; duy

tri bền vững chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng lượng nước cung cấp qua việc thực hiện tốt Chương trình cấp nước an toàn trên vùng phục vụ cấp nước tại Quận 4, Quận 7, huyện Nhà Bè và tiếp tục cấp nước an toàn, hiệu quả trên vùng cấp nước mở rộng tại các xã vùng hạ, Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An;

*Hai là giảm thất thoát nước, giảm chi phí kinh doanh và tăng trưởng doanh thu:* tiết kiệm chi phí kinh doanh; tiếp tục triển khai các giải pháp chuyên sâu về giảm nước thất thoát thất thu, nhằm thực hiện được mục tiêu giảm bền vững thất thoát nước, phấn đấu đạt tỷ lệ theo lộ trình đã được phê duyệt, tiệm cận đến tỷ lệ thất thoát nước kinh tế; kiểm soát tốt các chỉ tiêu kinh doanh (chỉ số nước, giá biểu, định mức nước) tăng giá bán bình quân;

*Ba là, nâng cao chất lượng làm việc và trình độ quản trị doanh nghiệp:* có giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ khách hàng trên cơ sở đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng mức ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng tiện lợi hơn cho khách hàng; nâng cao năng lực của cán bộ về mặt chỉ huy và tham mưu giỏi trong thực hiện nhiệm vụ.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV. HĐQT
- Kiểm soát viên
- Ban Giám đốc Cty;
- Lưu (CV. HĐQT)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Lê Trọng Hiếu



## **BÁO CÁO**

### **Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Xem xét Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, Ban Kiểm soát (BKS) báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động của BKS năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 như sau:

#### **I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022:**

##### **1) Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) gồm 05 thành viên:

- |                            |                                     |
|----------------------------|-------------------------------------|
| 1. Bà Võ Thị Cẩm Tú        | - Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách |
| 2. Bà Phạm Thị Phương Linh | - Kiểm soát viên                    |
| 3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh | - Kiểm soát viên                    |
| 4. Ông Nguyễn Công Thành   | - Kiểm soát viên                    |
| 5. Ông Nguyễn Hoàng Lam    | - Kiểm soát viên                    |

Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách làm việc toàn thời gian tại Công ty theo quy định, 04 Kiểm soát viên (KSV) không làm việc tại Công ty và hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Các KSV hoạt động độc lập, không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Giám đốc (BGĐ) và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

##### **2) Các hoạt động của Ban Kiểm soát:**

BKS thực hiện đầy đủ các mặt công tác được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 giao. Cụ thể như sau:

– Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo quy định pháp luật và thông qua báo cáo của Ban lãnh đạo, BKS giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật chuyên ngành về chứng khoán, về cấp nước; việc thực hiện Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ và chế độ làm việc của các phòng-ban-đội chức năng;

– Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, BGĐ trong quá trình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ;

– KSV tham dự đầy đủ, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT. Trưởng BKS tham dự và đóng góp ý kiến thảo luận tại các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng và các cuộc họp khác của Công ty; qua đó, nắm được yêu cầu của HĐQT và tình hình hoạt động tại Công ty;

– Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT về các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất-kinh doanh-tài chính năm 2022;

– Thẩm định BCTC quý, bán niên và năm 2022; Kế hoạch tài chính năm 2022; Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ, cổ tức năm 2022; Kiểm tra tính hợp pháp và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; Tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập BCTC;

– Giám sát việc chi trả thù lao HĐQT và các thành viên BKS kiêm nhiệm;

– Đề xuất Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty;

– Phối hợp với Phòng Kế toán tài chính Công ty cùng làm việc với Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC; Kiểm toán nhà nước (KTNN) theo Quyết định số 1163/QĐ-KTNN ngày 26/08/2022 về việc kiểm toán chuyên đề công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước và BCTC năm 2021;

– Tư vấn ý kiến chuyên môn cho HĐQT, BGĐ theo yêu cầu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của Công ty;

– Nghiên cứu các văn bản quy định pháp luật chuyên ngành nhằm kiến nghị, bổ sung những vấn đề chưa phù hợp, nâng cao khả năng kiểm soát, giảm thiểu rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

– Thực hiện chế độ báo cáo cho Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Tổng Công ty theo quy định.

– Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

### **3) Các cuộc họp của BKS:**

Tổng kết năm 2022, các Kiểm soát viên thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, chương trình công tác và phân công giữa các Kiểm soát viên. Tham gia đầy đủ, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp của Ban kiểm soát. Các nội dung chính trong 06 phiên họp BKS – Nhiệm kỳ IV (2022-2027) như sau:

– Kiểm tra, thẩm định và đóng góp ý kiến cho tài liệu các phiên họp của HĐQT;

– Triển khai phân công nhiệm vụ năm 2022 cho từng KSV, đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC Công ty năm 2022, thống nhất kế hoạch triển khai công tác kiểm soát năm 2022;

– Thẩm định, góp ý Báo cáo kết quả sản xuất-kinh doanh-tài chính và phương hướng nhiệm vụ các quý và năm 2022;

– Thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm 2022 được soát xét, kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

– Thường xuyên đánh giá việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, các nội dung khác có liên quan; kết quả hoạt động của BKS giữa các kỳ họp và thông qua nhiệm vụ trọng tâm hàng quý và năm 2022.

### **4) Tiền lương, thù lao của BKS năm 2022:**

Tiền lương, thù lao của BKS Công ty thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 của ĐHĐCĐ thường niên 2022, Công ty đã chi trả và hạch toán trong BCTC năm 2022 theo quy định hiện hành; với thù lao của KSV không chuyên trách là 3.500.000 đồng/người/tháng và chi phí tiền lương, các quyền lợi khác của Trưởng BKS chuyên trách theo chế độ thang bảng lương và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

## II. VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2022:

### 1) Về hoạt động sản xuất - kinh doanh:

Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022 và các nghị quyết của HĐQT, tổng kết tình hình kiểm tra, giám sát, BKS nhận thấy:

– Năm 2022, việc kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh Covid-19 và từng bước “bình thường hóa” nhằm kiến tạo nền tảng vững chắc cho quá trình khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội của TP. Hồ Chí Minh nói chung và ngành cung cấp nước sạch tại Công ty CP Cấp nước Nhà Bè nói riêng.

– Ban Kiểm soát đánh giá cao tinh thần trách nhiệm của các thành viên HĐQT và BGĐ đã chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ năm 2022 mà ĐHĐCĐ đã giao. Về mặt cấp nước, đảm bảo 100% hộ dân vùng phục vụ được cung cấp nước sạch, tiếp tục cấp nước ổn định đến các vùng hạ Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Về mặt tài chính, Công ty thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp đúng quy định pháp luật; quản lý tốt dòng tiền kinh doanh, bảo toàn đồng vốn và hoàn thành các chỉ tiêu về tổng doanh thu, tỷ lệ thất thoát nước, lợi nhuận, đảm bảo cổ tức cho cổ đông bằng hoặc cao hơn năm 2021.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu SXKD năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	TH 2021 (đã điều chỉnh)	KH 2022	TH 2022	TH2022 so với (%)	
				TH2021	KH2022
<b>A. Về sản xuất-kinh doanh</b>					
1. Sản lượng nước (1.000 m <sup>3</sup> )	69.605	72.500	71.105	102,16	98,08
2. Doanh thu tiền nước (tr. đồng)	742.466	838.463	845.977	113,95	100,90
3. Tỷ lệ thực thu tiền nước (%)	97,72	100,0	99,48	+1,76	-0,52
4. Thay ĐHN cỡ nhỏ (cái)	18.674	33.000	33.391	178,81	101,19
5. Thay ĐHN cỡ lớn (cái)	30	50	55	183,34	110,00
6. Gắn mới ĐHN (cái)	1.804	2.000	2.868	158,98	143,40
7. Tỷ lệ thất thoát nước (%)	16,58	14	12,74	-3,84	-1,26
8. Tỷ lệ hộ dân SD nước sạch (%)	100	100	100	100	100
<b>B. Về xây dựng cơ bản</b>					
1. Phát triển mạng cấp 3 (mét)	1.597	7.871	7.315	458,05	92,94
2. Sửa chữa ống mục (mét)		11.470	12.002	-	104,64
3. Hàm đồng hồ tổng (cái)		5	4	-	80

Chỉ tiêu	TH 2021 (đã điều chỉnh)	KH 2022	TH 2022	TH2022 so với (%)	
				TH2021	KH2022
<b>C. Về tài chính</b>					
1. Tổng doanh thu (tr. đồng)	766.613	842.063	855.531	111,60	101,60
2. Tổng chi phí (tr. đồng)	731.631	818.815	828.579	113,25	101,19
3. Lợi nhuận trước thuế (tr. đồng)	34.982	23.248	26.952	77,05	115,93
4. Lợi nhuận sau thuế (tr. đồng)	28.398	18.598	20.756	73,09	+11,60
5. Tỷ lệ chia cổ tức (%) (KH trình ĐHCĐ)	12	12	13,5	+1,5	+1,5

- Về sản lượng nước tiêu thụ: Sản lượng nước tiêu thụ thực hiện năm 2022 là 71.104.720 m<sup>3</sup> tăng 1.500.148 m<sup>3</sup> so với cùng kỳ năm 2021 đạt 98,08% kế hoạch (nhờ tăng số lượng gắn đồng hồ nước mới là 2.868 cái trong năm 2022). Trong Quý I/2022 sản lượng đạt rất thấp do các cơ sở kinh doanh – dịch vụ, trường học, Khu chế xuất, Khu công nghiệp chưa hoạt động bình thường trở lại. Đến Quý II/2022 mới dần được hồi phục vì thế sản lượng tiêu thụ năm 2022 chưa đạt so kế hoạch. Tuy nhiên lượng nước cung cấp tại các xã vùng hạ Huyện Cần Giuộc, Long An luôn ổn định và đạt 1,441 triệu m<sup>3</sup>.

- Về doanh thu tiền nước: Doanh thu tiền nước thực hiện năm 2022 tăng 103.511 triệu đồng (+13,95%), do giá bán bình quân năm 2022 tăng 1.231,09 đồng/m<sup>3</sup> so với năm 2021 và đạt tỷ lệ 100,9% so với KH 2022. Thuận lợi về đơn giá nước mới được áp dụng từ tháng 01/2022 theo lộ trình giai đoạn 2019-2022, công tác quản lý giá bán bình quân được thực hiện khá tốt qua nghiệp vụ kiểm soát định mức, áp giá biểu đúng đối tượng, truy thu lượng nước thất thoát, do đó, giá bán bình quân năm 2022 (11.898 đ/m<sup>3</sup>) tăng 2,88% so với đơn giá bán kế hoạch (11.565 đ/m<sup>3</sup>) đã góp phần tăng trưởng doanh thu.

- Tỷ lệ thực thu tiền nước: Việc triển khai công tác khoán quỹ lương cho 02 Đội QLKH, đồng thời thực hiện việc rút đợt đối với công tác ghi chỉ số nước (từ 20 đợt xuống còn 12 đợt từ tháng 09/2022) đã mang lại hiệu quả khả quan hơn cho công tác thu hồi nợ tiền nước. Doanh thu tiền nước năm 2022 là 845.977 triệu đồng, tăng 103.511 triệu đồng so với năm 2021 (742.466 triệu đồng). Tỷ lệ thực thu tiền nước năm 2022 đạt 99,48% cao hơn cùng kỳ năm trước (97,72%) là 1,76% giúp cho công tác thu tiền nâng dần tỷ lệ thực thu đương niên và hạn chế được nợ tồn.

- Công tác thay đồng hồ nước: Trong năm 2022 Công ty đã tiến hành thay được 33.391 đồng hồ nước cỡ nhỏ - đạt tỷ lệ 101,18% kế hoạch và 55 đồng hồ nước cỡ lớn - đạt tỷ lệ 110% kế hoạch năm 2022.

- Công tác gắn mới đồng hồ nước: Thực hiện chỉ tiêu 100% hộ dân được sử dụng nước sạch theo Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2022 của HĐND TP.Hồ Chí Minh, trong năm 2022, đã hoàn thành gắn mới đồng hồ nước là 2.868 cái, đạt 143,40% KH 2022; trong đó, Quận 4 là 118 cái; Quận 7: 1.114 cái và Huyện Nhà Bè: 1.593 cái. Tổng số đầu nối năm 2022 là 135.722 đồng hồ nước.

- Về công tác giảm thất thoát nước: Công ty luôn quan tâm và tập trung thực hiện thông qua việc phân công lộ trình dò tìm và sửa chữa rò rỉ chặt chẽ. Đồng thời áp dụng CNTT trong công tác giảm thất thoát nước, đẩy mạnh phân vùng tách mạng, tích cực chủ động dò tìm bề ngầm và điều phối áp lực các DMA hợp lý. Ngoài ra, công tác giảm thất thoát nước vô hình vẫn luôn được chú trọng, theo dõi. Trong năm 2022, công tác kiểm tra gian lận đã xử lý, truy thu 42 trường hợp với số tiền truy thu được khoảng 3,46 tỷ đồng tương đương lượng nước là

206.539 m<sup>3</sup>. Kết quả thực hiện giảm tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2022 đạt là 12,74% giảm 1,26% so với kế hoạch (14%), giảm 3,84% so với cùng kỳ năm 2021 (16,58%).

- Về công tác xây dựng cơ bản: Kế hoạch đầu tư XDCCB năm 2022 gồm 15 công trình chuyển tiếp và thực hiện đầu tư về phát triển mạng lưới cấp nước, sửa chữa ống mục và xây mới 05 hầm đồng hồ tổng. Trong năm 2022, Công ty đã thi công hoàn thành 100% các công trình XDCCB, với khối lượng 7.315 mét ống phát triển và 12.002 mét ống cải tạo ống mục (khối lượng thực hiện các công trình phát triển mạng lưới là 15 công trình đạt 100% kế hoạch, tuy nhiên có một số đoạn đường đã có đường ống, một số hẻm không được cấp phép thi công vì thế khối lượng thực hiện không đạt theo kế hoạch). Xây dựng được 04 hầm đồng hồ tổng đạt 80% KH 2022 (có 1 hầm không làm được do không thoả thuận được hướng tuyến). Công ty đang chuẩn bị hồ sơ đấu thầu thi công hạng mục công trình sửa chữa lớn: cải tạo hàng rào xung quanh Công ty, xây dựng Trung tâm điều hành cấp nước thông minh IOC, cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc Công ty

- Về kết quả tài chính: Năm 2022 là năm phục hồi tình hình sản xuất kinh doanh hậu Covid-19 nên kết quả SXKD của Công ty đạt được kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 26.952 triệu đồng (+15,93%) so với KH 2022. Cụ thể như sau:

▪ Phần A: Công ty điều chỉnh hồi tố số liệu đầu năm 2022 theo Thông báo kết quả kiểm toán nhà nước số 1702/TB-KV IV ngày 30/12/2022 của KTNN khu vực IV như sau:

Công ty đã điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế từ 22.657 triệu đồng lên 34.982 triệu đồng, tăng 12.325 triệu đồng, thuế TNDN phải nộp tăng thêm 2.214 triệu đồng, lợi nhuận chưa phân phối đầu năm 2022 tăng 10.111 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Giá vốn hàng bán tăng 820 triệu đồng do điều chỉnh giá vốn nước sạch năm 2021 tương ứng với doanh thu năm 2021 đã hạch toán năm 2021.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 434 triệu đồng do điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp năm 2021 (Cục Thuế TP.HCM chưa điều chỉnh đơn giá thuê đất do khu đất tiếp giáp 2 mặt tiền đường).

- Chi phí khác tăng 2.351 triệu đồng do điều chỉnh tiền thuê đất từ năm 2015 đến năm 2020 (Cục Thuế TP.HCM chưa điều chỉnh đơn giá thuê đất do khu đất tiếp giáp 2 mặt tiền đường).

- Thu nhập khác tăng 15.930 triệu đồng do điều chỉnh giá vốn nước sạch để tương ứng với doanh thu năm 2020 trở về trước.

▪ Phần B: So với BCTC năm 2021 sau khi điều chỉnh theo Biên bản Kiểm toán nhà nước khu vực IV:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 855.531 triệu đồng, tăng 88.919 triệu đồng (+11,60%) so với năm 2021 sau khi điều chỉnh theo Biên bản Kiểm toán nhà nước và đạt 101,60% kế hoạch:

✓ Doanh thu tiền nước tăng 103.511 triệu đồng (+13,95%) so với TH 2021 nhờ giá bán bình quân tăng 1.231,09 đồng/m<sup>3</sup> so với cùng kỳ năm trước và đạt tỷ lệ 100,9% KH 2022.

✓ Doanh thu khác giảm 14.592 triệu đồng (do điều chỉnh thu nhập khác năm 2021 từ 852 triệu đồng tăng lên 16.781 triệu đồng theo Biên bản Kiểm toán nhà nước).

- Tổng Chi phí là 828.579 triệu đồng, tăng 96.948 triệu đồng (+13,25%) so với năm 2021 sau khi điều chỉnh theo Biên bản Kiểm toán nhà nước và đạt 101,19% KH 2022:

✓ Giá vốn hàng bán tăng 37.520 triệu đồng (+6,85%) so với TH 2021; trong đó giá vốn nước mua sỉ tăng 37.034 triệu đồng (+6,85%), do đơn giá mua sỉ tăng từ 6.482,26 đồng/m<sup>3</sup> lên 6.949,1 đồng/m<sup>3</sup> và tỷ lệ thất thoát nước giảm 1,26% so với KH 2022; giá vốn khác tăng 486 triệu đồng.



✓ Chi phí bán hàng tăng 49.659 triệu đồng (+43,13%) so với TH 2021 do khôi phục lại các hoạt động sau dịch Covid-19: chi phí tu bổ sửa chữa tăng 1.887 triệu đồng; chi phí thay thường thay thử ĐHN tăng 17.455 triệu đồng; chi phí gắn mới ĐHN miễn phí tăng 15.427 triệu đồng; chi phí chống TTN tăng 6.227 triệu đồng; chi phí khác tăng 8.663 triệu đồng (do lương nhân viên, chi phí bảo hiểm nhân thọ và chi phí mang tính chất phúc lợi xã hội tăng).

✓ Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 12.130 triệu đồng (+18,42%) do chi phí công cụ dụng cụ, lương nhân viên, tiền thuê đất tại trụ sở Công ty và chi phí khác tăng.

✓ Chi phí khác giảm 2.361 triệu đồng/TH 2021 điều chỉnh theo Biên bản KTNN.

– Lợi nhuận sau thuế đạt 20.756 triệu đồng, tăng 11,60% so với KH 2022 và giảm 7.642 triệu đồng so với TH 2021 sau khi điều chỉnh theo kết luận của KTNN khu vực IV (lợi nhuận sau thuế từ 18.287 triệu đồng tăng lên 28.398 triệu đồng).

– Dự kiến cổ tức năm 2022 là 13,5%/Vốn điều lệ.

## 2) Tình hình tài chính của Công ty

### 2.1. Kết quả bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022:

Chỉ tiêu	01/01/2022 (đã điều chỉnh)	31/12/2022
<b>I. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>118.435.309.045</b>	<b>155.253.657.812</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	56.496.653.961	58.090.668.494
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	55.000.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	26.273.583.349	13.553.992.769
<i>Trong đó : Nợ phải thu khó đòi</i>		
4. Hàng tồn kho	24.037.952.875	27.053.550.625
5. Tài sản ngắn hạn khác	1.627.118.860	1.555.445.924
<b>II. Tài sản dài hạn</b>	<b>153.513.302.318</b>	<b>145.927.195.718</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn		39.000.000
2. Tài sản cố định	139.909.113.145	140.972.707.283
- Tài sản cố định hữu hình	136.553.721.674	138.477.307.427
- Tài sản cố định vô hình	3.355.391.471	2.495.399.856
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
2. Tài sản dở dang dài hạn	977.665.735	969.014.197
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
4. Tài sản dài hạn khác	12.626.523.438	3.946.474.238
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>271.948.611.363</b>	<b>301.180.853.530</b>
<b>III. Nợ phải trả</b>	<b>94.437.794.556</b>	<b>119.286.520.045</b>
1. Nợ ngắn hạn	94.032.794.556	118.941.520.045
<i>Trong đó : nợ quá hạn</i>		
2. Nợ dài hạn	405.000.000	345.000.000
<b>IV. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>178.979.732.409</b>	<b>181.894.333.485</b>
1. Vốn của chủ sở hữu	178.979.732.409	181.894.333.485
<i>Trong đó: + Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>109.000.000.000</i>	<i>109.000.000.000</i>
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>271.948.611.363</b>	<b>301.180.853.530</b>

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 31/12/2022:

Chỉ tiêu	Năm 2021 (đã điều chỉnh)	Năm 2022	Tỷ lệ (%) Năm 2022/TH2021
1. Tổng doanh thu	766.612.715.453	855.531.286.810	111,60%
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	748.627.592.418	853.429.971.366	114,00%
- Doanh thu hoạt động tài chính	1.204.037.735	1.983.151.028	164,70%
- Thu nhập khác	16.781.085.300	118.164.416	0,71%
2. Tổng chi phí	731.630.922.636	828.578.828.178	113,25%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	34.981.792.817	26.952.458.632	77,05%
4. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.714.455.373	9.337.478.036	251,40%
5. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.869.194.536	(3.141.050.741)	-109,48%
6. Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.398.142.908	20.756.031.337	73,09%

2.3. Một số chỉ tiêu phân tích tài chính tại ngày 31/12/2022:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021 (đã điều chỉnh)	Năm 2022
1. Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	43,55	51,55
2. Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	56,45	48,45
3. Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	34,19	39,61
4. Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	65,81	60,39
5. Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,31	1,28
6. Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,02	1,08
7. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (ROS)	%	3,79	2,43
8. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	10,44	6,89
9. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	15,87	11,41

+ Hệ số Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản là 51,55%: vốn lưu động ngắn hạn đảm bảo và chiếm tỷ lệ là 51,55% so với tổng tài sản hiện có tại đơn vị.

+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn là 39,61%: các khoản nợ phải trả của Công ty có mức độ an toàn cao, rủi ro tài chính thấp.

+ Khả năng thanh toán hiện hành: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn đạt 1,28 lần: tình hình tài chính tốt đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn với chỉ số > 1.

+ Khả năng thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn đạt 1,08 lần: vốn lưu động đảm bảo thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn với chỉ số > 1.

+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu đạt 2,43% (giảm (-1,36%)/TH 2021).

+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản đạt 6,89% (giảm (-3,55%)/TH 2021).

+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu đạt 11,41% (giảm (-4,46%)/TH 2021).

+ Hệ số bảo toàn vốn nhà nước = 1,208 lần (Giá trị tài sản-Nợ phải trả) / (Vốn đầu tư CSH+Quỹ ĐTPT).

Hệ số bảo toàn vốn Công ty > 1, vốn Công ty được bảo toàn.

### 3) Thẩm định báo cáo tài chính:

BKS thẩm định BCTC năm 2022 đã kiểm toán và nhận thấy:

– BCTC được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

– Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

– BKS thống nhất với các nội dung của BCTC năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 170323.001/BCTC.HCM ngày 17/03/2023 với ý kiến của kiểm toán viên như sau: “*BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC*”.

### 4) Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức 2022:

Căn cứ kết quả SXKD năm 2022, HĐQT trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và cổ tức năm 2022 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021		Năm 2022	
		Sau kiểm toán	Tỷ lệ	Trình ĐHĐCĐ	Tỷ lệ
1	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	28.398.142.908		20.756.031.337	
2	<b>Tổng lợi nhuận phân phối</b>	<b>28.398.142.908</b>	<b>100%</b>	<b>20.756.031.337</b>	<b>100%</b>
3	Tỷ lệ chia cổ tức	12%		13,5%	
4	Chi trả cổ tức	13.080.000.000	71,52%	14.715.000.000	70,90%
5	Quỹ thưởng người quản lý DN	358.000.000	1,96%	388.625.000	1,87%
6	Quỹ đầu tư phát triển (thuế được giảm)	445.762.341	2,44%		
7	Quỹ khen thưởng người lao động trong đó: <i>quỹ chống thất thoát nước</i>	4.285.664.211 117.766.050	24,08%	4.668.058.299	22,49%
8	Quỹ KT chống thất thoát nước			984.348.038	4,74%
9	<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>10.110.950.306</b>		<b>0</b>	

Phần lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2021 theo Thông báo kết quả Kiểm toán nhà nước số 1702/TB-KV IV ngày 30/12/2022 là **10.110.950.306 đồng** để phục vụ theo kiến nghị tại mục số II.3.3 như sau: *Rà soát, phân bổ lại giá vốn kinh doanh nước sạch tương ứng với doanh thu đến thời điểm cổ phân hoá, xác định lợi nhuận tăng lên phải nộp ngân sách nhà nước khi chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.*

### 5) Việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022:

- *Thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2022:* Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu quan trọng như: doanh thu nước sạch đạt 845.977 triệu đồng tăng

(0,90%)/KH 2022, tỷ lệ thất thoát nước đạt 12,74% giảm (-1,26%)/KH 2022, lợi nhuận trước thuế đạt 26.952 triệu đồng tăng (+15,93%)/KH 2022, cổ tức dự kiến tăng (+1,5%)/TH 2022.

- *Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ*: Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 12%, tổng số tiền là 13.080 triệu đồng. Trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng người lao động, Quỹ thưởng Ban điều hành và lợi nhuận để lại theo Nghị quyết số 01/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 của ĐHĐCĐ thường niên 2022 và Thông báo kết quả KTNN số 1702/TB-KV IV ngày 30/12/2022 của KTNN khu vực IV.

- *Thù lao HĐQT & BKS năm 2022*: Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 của ĐHĐCĐ thường niên 2022.

- *Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2022*: Công ty đã thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 của ĐHĐCĐ thường niên 2022 ủy quyền cho HĐQT thương thảo và quyết định HĐ mua bán sỉ nước sạch năm 2022 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.

+ Đơn giá mua sỉ nước sạch năm 2022: 6.949,1 đồng/ m<sup>3</sup>(mạng cấp 3)

+ Đơn giá mua sỉ nước sạch năm 2022, đối với lượng nước qua mạng cấp 1, 2 bằng 70% giá bán bình quân cho khách hàng.

- *Xem xét và lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022*: HĐQT đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 (theo danh sách ba (03) Công ty kiểm toán được ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua).

- *Bổ sung ngành, nghề kinh doanh “sản xuất điện”* vào danh mục ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

- *Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Thông qua các quy chế gồm*: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS.

#### **6) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan:**

Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 của ĐHĐCĐ thường niên 2022, HĐQT đã xem xét và thông qua Nghị quyết số 02/NQ-CNNB-HĐQT ngày 20/6/2022 và Nghị quyết số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/03/2023 về đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2022; Công ty thực hiện hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2022 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (cổ đông lớn nắm giữ 53,44% vốn điều lệ Công ty) với số tiền là 580.582 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan với số tiền là 426 triệu đồng.

#### **7) Giám sát công tác quản trị, điều hành:**

Nhìn chung, các thành viên HĐQT và BGD là những người có kinh nghiệm trong công tác quản trị doanh nghiệp; có tâm huyết, trách nhiệm đối với các hoạt động cấp nước; thực hiện nhiệm vụ đúng thẩm quyền để hoàn thành Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022 và các nghị quyết của HĐQT Công ty.

#### **a. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT:**

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 06 phiên họp, 02 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, ban hành 08 nghị quyết để chỉ đạo và giao cho BGD thực hiện. Cụ thể:

- HĐQT đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022 đạt kết quả tốt đẹp.

- Đánh giá kế hoạch và báo cáo kết quả tình hình SXKD của từng quý, bán niên và năm 2022; định hướng nhiệm vụ cho quý tiếp theo thông qua các chủ trương về đầu tư XDCB, mua sắm vật tư, trang thiết bị và phân bổ nguồn lực tài chính, giá mua bán sỉ nước sạch năm 2022; kịp thời chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc điều hành

hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện tốt nhiệm vụ được nêu trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022.

- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành phù hợp với tình hình thực tiễn, đặt ra yêu cầu phải tăng trưởng lợi nhuận và hiệu quả sử dụng vốn; đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp và định hướng được sự phát triển Công ty.

- Thành viên HĐQT dự họp đầy đủ các phiên họp định kỳ (trực tiếp hoặc thông qua người ủy quyền) và tham gia ý kiến đóng góp với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy được kinh nghiệm và năng lực lãnh đạo của từng thành viên HĐQT. Hầu hết các quyết định của HĐQT thông qua đều đạt được sự đồng thuận cao, thống nhất của các thành viên.

**Nhận xét:** Qua các phiên họp của HĐQT, với Nghị quyết và Biên bản họp năm 2022, BKS nhận thấy các quyết định của HĐQT đều hướng đến lợi ích chung của Công ty, định hướng sự phát triển Công ty theo đúng nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và các Nghị quyết của HĐQT. BKS chưa phát hiện trường hợp nào thành viên HĐQT vi phạm các quy định về tính trung thực và xung đột về quyền lợi của Công ty.

***b. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Giám đốc:***

- *Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD:* Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 của ĐHĐCĐ và Nghị quyết số 43/NQ-CNNB-HĐQT ngày 28/02/2022 của HĐQT về việc giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD và kế hoạch tài chính năm 2022. Ban Giám đốc đã nỗ lực hoàn thành KH 2022 các chỉ tiêu quan trọng như: duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch; doanh thu tiền nước tăng (0,90%)/KH 2022; lợi nhuận trước thuế tăng (+15,93%)/KH 2022; tỷ lệ thất thoát nước đạt 12,74% giảm (-1,26%)/KH 2022; tỷ lệ trả cổ tức dự kiến năm 2022 là 13,5% tăng (+1,5%)/TH 2021 là 12%.

- *Về công tác tài chính kế toán:* Lập BCTC quý, bán niên, năm đúng thời hạn, đúng quy định về chế độ tài chính - kế toán (theo Luật Kế toán và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính) và các quy định pháp luật của Việt Nam. Thực hiện theo Quyết định số 1163/QĐ-KTNN ngày 26/08/2022 và Thông báo số 1702/TB-KT-KV IV ngày 30/12/2022 của KTNN Khu vực IV, Ban Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Đoàn KTNN, quản lý sử dụng vốn hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn nhà nước, tài chính doanh nghiệp lành mạnh, an toàn và đúng quy định pháp luật. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và bảo hiểm cho nhà nước; công bố thông tin kịp thời, chính xác về tình hình tài chính, hoạt động, cơ cấu sở hữu vốn trên thị trường chứng khoán.

- *Về công tác tổ chức nhân sự:* BGD đã có những điều chỉnh, sắp xếp nhân sự phù hợp với tình hình thực tế để quản lý công việc hiệu quả hơn. Quan tâm đến đời sống, vật chất, tinh thần cho CB.CNV, các chế độ chính sách cho người lao động, tạo sự phấn khởi, đồng thuận nhất trí cao trong Công ty; Tiền lương bình quân thực hiện năm 2022 của người lao động là 18,982 triệu đồng/người, tăng 4,18% so với KH 2022 và tăng 5,46% so với TH 2021; Các khoản chi phí mang tính chất phúc lợi thực hiện năm 2022 là 7,2 tỷ đồng tăng 35,84% so với TH 2021, tương đương số tiền là 1,9 tỷ đồng.

- *Công tác phối hợp điều hành giữa HĐQT và Ban Giám đốc:* BGD luôn chủ động trong việc báo cáo, đề xuất và xin ý kiến HĐQT khi xử lý các vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch trong điều hành SXKD. Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty. Hoàn thành nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông và Công ty. Mọi quan hệ công tác phối hợp giữa HĐQT và BGD là khá tốt thể hiện được tính thống nhất trong các quyết định thuộc lĩnh vực chuyên môn cấp nước. Các thành viên BGD có năng lực công tác,

chuyên môn giỏi, được tập thể người lao động tín nhiệm. Do đó, đã định hướng đúng cho mọi hoạt động phát triển của Công ty, phấn đấu đạt doanh thu tiền nước, thực hiện kinh doanh có lãi, đảm bảo thu nhập của người lao động và cổ tức cho cổ đông.

**Nhận xét:** BGD đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và kế hoạch tài chính năm 2022, đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả và an toàn trong kinh doanh, quản lý tốt về mặt tài chính doanh nghiệp lành mạnh. Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và các Nghị quyết của HĐQT Công ty.

#### **8) Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BGD và các cổ đông:**

– BKS đã chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của Công ty; phối hợp với BGD trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.

– HĐQT đã cung cấp đầy đủ biên bản họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

– BGD đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty.

– BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BGD trong công tác điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh, có sự độc lập trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

– BKS không nhận được yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về các mặt hoạt động của Công ty.

#### **9) Kết luận, kiến nghị:**

BKS thống nhất với Báo cáo kết quả hoạt động SXKD và BCTC năm 2022 đã kiểm toán, nhất trí với phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch SXKD năm 2023.

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động; đảm bảo lành mạnh về tài chính, BKS đưa ra một số kiến nghị trong công tác quản lý, điều hành như sau:

+ Tiếp tục thực hiện tốt chương trình cấp nước an toàn, duy trì chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng sản lượng nước cung cấp trên vùng phục vụ cấp nước tại Quận 4, Quận 7 và Huyện Nhà Bè và các xã vùng hạ, Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An;

+ Phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023; triển khai các giải pháp chuyên sâu về giảm nước thất thoát thất thu, giảm bền vững tỷ lệ thất thoát nước; tiết kiệm chi phí hợp lý và kiểm soát tốt các chỉ tiêu kinh doanh để tăng giá bán bình quân; thực hiện kinh doanh có lãi và đảm bảo cổ tức cho cổ đông;

+ Tiến độ thực hiện các công tác đầu tư XD CB cần phải đẩy nhanh, thực hiện đúng quy định pháp luật trong công tác đấu thầu; nâng cao chất lượng công trình;

+ Triển khai thực hiện các nội dung kiến nghị tại Thông báo số 1702/TB-KT-KV IV ngày 30/12/2022 của Kiểm toán nhà nước Khu vực IV theo đúng quy định;

+ Nâng cao hiệu quả công tác quản lý dòng tiền, thực hiện tốt giải pháp đơn đốc thanh toán tiền nước, nhằm nâng cao tỷ lệ thực thu và đạt tỷ lệ thu tiền 99%;

+ Thực hiện đối chiếu xác nhận đầy đủ các khoản nợ phải thu, nợ phải trả thời điểm cuối năm khi lập BCTC năm 2022;

+ Đột phá cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, tăng mức ứng dụng công nghệ thông tin để khách hàng cảm thấy tiện lợi và hài lòng;

+ Quản lý sử dụng hiệu quả vốn trong kinh doanh; bảo toàn đồng vốn, thực hiện chế độ tài chính doanh nghiệp lành mạnh và đúng quy định pháp luật.

### III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023:

Căn cứ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của BKS được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và các quy định có liên quan, BKS lập kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

– Một là, kiểm tra, giám sát việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, Nghị quyết của HĐQT, BGĐ trong việc quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính của Công ty.

– Hai là, tổ chức kiểm tra định kỳ, thẩm định BCTC quý, bán niên và năm 2023 của Công ty; kế hoạch SXKD và kế hoạch tài chính năm 2023; kiểm tra tình hình thực hiện quỹ tiền lương và kế hoạch quỹ tiền lương; phương án phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và chia cổ tức; giám sát việc chi trả thù lao của HĐQT và BKS; phối hợp và cùng Phòng KTTC làm việc với kiểm toán độc lập, Đoàn Kiểm toán nhà nước và các cơ quan ban ngành khác; kiểm soát việc quản lý sử dụng vốn, tài sản nhà nước được bảo toàn, tài chính doanh nghiệp lành mạnh và đúng quy định pháp luật.

– Ba là, giám sát hoạt động kinh doanh thực hiện chương trình cấp nước an toàn, duy trì bền vững chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch; đề cao các giải pháp tăng sản lượng nước cung cấp, tăng doanh thu tiền nước, giảm nợ tồn tiền nước; kiểm soát tốt các chỉ tiêu kinh doanh để tăng giá bán bình quân; tăng mức ứng dụng CNTT và đẩy mạnh cải cách hành chính; thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh nhằm giảm chi phí, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả công việc.

– Bốn là, giám sát về quản lý mạng lưới cấp nước, tập trung đẩy mạnh các giải pháp chuyên sâu về giảm nước thất thoát thất thu, giảm bền vững tỷ lệ TTN; thực hiện các công tác đầu tư XDCB đúng về quy định, nhanh về tiến độ; đảm bảo chất lượng công trình; triển khai khẩn trương đưa vào hoạt động Trung tâm điều hành cấp nước thông minh (IOC), công trình sửa chữa, nâng cấp văn phòng làm việc theo Nghị quyết HĐQT đã phê duyệt.

– Năm là, giám sát tình hình hoạt động khác, tiếp tục giám sát việc thực hiện các nội dung kiến nghị của Kiểm toán nhà nước Khu vực IV theo đúng quy định; kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên; nâng cao hệ thống kiểm soát, giảm thiểu rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động SXKD của Công ty; thực hiện chương trình kiểm tra chuyên đề và theo yêu cầu đột xuất của HĐQT và cổ đông (nếu có).

Trên đây là báo cáo hoạt động của BKS năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023. Ban Kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- TV.HĐQT;
- Kiểm soát viên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu (HS. BKS).





Số: **0540/TTr-CNNB-HĐQT**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023*

**TỜ TRÌNH**  
**Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Theo kết quả kinh doanh tại Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, Công ty đạt lợi nhuận trước thuế là 26.952.458.632 đồng (đạt 115,93% kế hoạch), lợi nhuận sau thuế là **20.756.031.337** đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Khoản mục	Số tiền (đồng)	Tỉ lệ phân phối (%)
Lợi nhuận trước thuế	26.952.458.632	
Thuế TNDN	6.196.427.295	
Lợi nhuận sau thuế	<b>20.756.031.337</b>	<b>100,00</b>
1. Chia cổ tức 13,5% vốn điều lệ	14.715.000.000	70,90
2. Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	388.625.000	1,87
3. Quỹ khen thưởng người lao động	5.652.406.337	27,23

\* Phần lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Thông báo kết quả Kiểm toán nhà nước số 1702/TB-KVIV ngày 30/12/2022 là 10.110.950.306 đồng còn để lại phục vụ theo kiến nghị tại mục số II.3.3 như sau: Rà soát, phân bổ lại giá vốn kinh doanh nước sạch tương ứng với doanh thu đến thời điểm cổ phần hoá, xác định lợi nhuận tăng lên phải nộp ngân sách nhà nước khi chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT;
- BKS;
- BGĐ;
- Lưu VT, HS.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**Lê Trọng Hiếu**





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **0541**/TTr-CNNB-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

**TỜ TRÌNH**

**Về tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Trên cơ sở kế hoạch tài chính năm 2023 của Công ty,

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chế độ tiền lương và mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên Công ty năm 2023 như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách được hưởng lương và các lợi ích khác theo Hệ thống thang - bảng lương và thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
2. Thù lao của các thành viên không chuyên trách là:
  - a) Thành viên HĐQT : 7.000.000 đồng/người/tháng
  - b) Kiểm soát viên : 3.500.000 đồng/người/tháng

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BKS;
- BGĐ;
- Lưu VT, HS.HĐQT.





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0384 /TTr-CNNB-BKS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2023

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc xem xét và lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế Quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;
- Xem xét các tiêu chí phổ biến để lựa chọn đơn vị kiểm độc lập; gồm <sup>(i)</sup> là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, đủ điều kiện thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định; <sup>(ii)</sup> đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp, trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, đủ tiêu chuẩn, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính; <sup>(iii)</sup> mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của Công ty.

Ban Kiểm soát đề nghị Danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập có thể lựa chọn thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo tài chính Công ty cho năm 2023 là:

1. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Tầng 02 Tòa nhà Indochina, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận I, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – Chi nhánh TP.HCM – Lầu 5, 146 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận I, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC) – Lầu 3 Tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, Phường 01, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty, căn cứ vào các tiêu chí nêu trên và quy định pháp luật có liên quan để lựa chọn một (01) trong ba (03) đơn vị kiểm toán trong danh sách đơn vị kiểm toán được Ban Kiểm soát đề xuất để thực hiện kiểm toán, soát xét các Báo cáo tài chính và các mục đích kiểm toán khác (nếu có) cho năm tài chính 2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

Trân trọng kính trình.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu HS BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**TRƯỞNG BAN**



**Võ Thị Cẩm Tú**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **0385** /TTr-CNNB-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2023

### **TỜ TRÌNH**

**VỀ VIỆC BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH  
NĂM 2022 VÀ NĂM 2023; TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TIẾP TỤC ỦY QUYỀN  
THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH PHÁT SINH CHO ĐẾN KỲ HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Căn cứ Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 14 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè, về quyền của Đại hội đồng cổ đông trong việc “Quyết định các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp giữa Công ty hoặc các đơn vị trực thuộc của Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp”,

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã “Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch của Công ty từ ngày 01/01/2022 đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo”.

Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2022 giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV, với đơn giá mua bán sỉ nước sạch là:

- Đơn giá mua bán sỉ đối với lượng nước khai thác trên tài sản (tuyến ống) của Công ty là 6.949,1 đồng/m<sup>3</sup>.

- Đơn giá mua bán sỉ đối với lượng nước khai thác trên tài sản (tuyến ống) của Tổng Công ty bằng 70% giá bán bình quân tại đồng hồ tổng đo đếm lượng nước khai thác trên tài sản (tuyến ống) của Tổng Công ty.

Với đơn giá mua bán sỉ nước sạch như trên, giá trị của Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2022 là 580,58 tỉ đồng.

Năm 2023, Hội đồng quản trị đã thông qua hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2023 với đơn giá bằng đơn giá năm 2022 như nêu trên (Nghị quyết số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023) và đã giao Giám đốc Công ty tổ chức ký kết hợp đồng mua bán sỉ nước sạch để thực hiện hoạt động cung cấp nước sạch an toàn, liên tục cho khách hàng của Công ty.

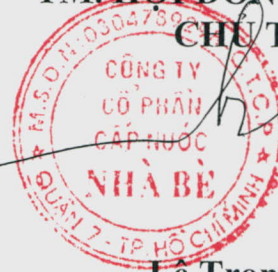
Để thuận tiện cho việc tổ chức quản lý và điều hành trong sản xuất kinh doanh, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo và quyết định các vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch của Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV từ nay cho đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (nếu có phát sinh).

Trân trọng kính trình.

**Nơi nhận:**

- ĐHCĐ;
- HĐQT;
- BKS;
- BGD;
- Lưu VT, HS.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lê Trọng Hiếu**



Số: **0387**/TTr-CNNB-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2023

### **TỜ TRÌNH**

#### **Về việc ban hành Quy chế về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của Công ty**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, “Công ty đại chúng quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty”

- Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTC ngày 06/5/2022 của Bộ Tài chính quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, mức xử phạt đối với vi phạm này như sau:

“Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với công ty đại chúng thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) ...; không quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác”

- Khoản 3 Điều 4 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty có ghi nhận “Tùy điều kiện và tình hình thực tế, Công ty sẽ nghiên cứu áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Việc áp dụng công nghệ thông tin nếu có sẽ được thông báo và đưa ra hướng dẫn chi tiết và cung cấp trước cho các cổ đông có quyền dự họp”.

Tuy nhiên, để có thể họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác thì trước tiên phải có quy chế về việc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi thực hiện.

Để tránh bị xử phạt do vi phạm các quy định nêu trên, Hội đồng quản trị đã lập dự thảo Quy chế về việc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua dự thảo Quy chế về việc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử (đính kèm).

Trân trọng kính trình.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BKS;
- BGD;
- Lưu VT, HS.HĐQT.



## QUY CHẾ

### TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

#### DỰ THẢO

#### Căn cứ pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
  - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
  - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán; Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
  - Thông tư 96-2020/TT-BTC ngày 16/10/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán;
  - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
  - Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua ngày 21/4/2022;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua ngày 21/4/2022;
- Nghị quyết số .../NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè,

Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè ban hành Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, gồm các nội dung sau:

## **Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng**

1. Quy chế này quy định việc tổ chức, tham dự, biểu quyết và thực hiện các quyền của Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè bằng hình thức họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Các quy định liên quan đến việc tổ chức Đại hội không quy định chi tiết tại Quy chế sẽ áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị.

3. Quy chế này áp dụng đối với tất cả Cổ đông của Công ty có tên trong Danh sách cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập để thực hiện quyền, các cá nhân có liên quan thực hiện tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

## **Điều 2. Các định nghĩa**

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty* là Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè
2. *ĐHĐCĐ* là Đại hội đồng cổ đông của Công ty.
3. *HDQT* là Hội đồng quản trị của Công ty.
4. *VSD* là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
5. *Đại hội* là cuộc họp ĐHĐCĐ của Công ty.

6. *Hệ thống ĐHCĐ* là trang thông tin điện tử, ứng dụng hoặc công nghệ, phương tiện điện tử khác do Công ty tạo lập hoặc sử dụng dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội, cung cấp để Cổ đông thực hiện đăng ký tham dự họp; họp ĐHĐCĐ trực tuyến; thực hiện bỏ phiếu, biểu quyết và bầu cử bằng hình thức điện tử và thực hiện các quyền khác (nếu có).

7. *Đại hội trực tiếp* là hình thức tổ chức cuộc họp tại một địa điểm xác định được thông báo trên Thông báo mời họp, cổ đông được tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp mà không cần phải thông qua môi trường internet.

8. *Đại hội trực tuyến* là hình thức tổ chức cuộc họp được thực hiện trên Hệ thống ĐHCĐ do Công ty cung cấp tại từng thời điểm, sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của Đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp. Cổ đông tham dự họp trực tuyến có thể theo dõi Đại hội từ các địa điểm khác nhau, trong và ngoài nước thông qua các phương tiện điện tử như máy tính, điện thoại thông minh hoặc công nghệ khác phù hợp.



9. *Bỏ phiếu trực tiếp* là việc cổ đông tham gia biểu quyết, bầu cử trực tiếp tại Đại hội trực tiếp.

10. *Bỏ phiếu điện tử* là việc Cổ đông thực hiện biểu quyết, bầu cử trên Hệ thống ĐHCĐ theo quy định của Quy chế này.

11. *Cổ đông có quyền dự họp* là cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do VSD cung cấp, được Công ty cấp tài khoản truy cập để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc là người được ủy quyền hợp lệ của Cổ đông có quyền dự họp.

12. *Người được ủy quyền* là người được Cổ đông ủy quyền tham dự họp và thực hiện các quyền của Cổ đông tại Đại hội phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này.

13. *Phương tiện điện tử* là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện tử, hoặc công nghệ tương tự.

14. *Tài khoản truy cập* bao gồm tên đăng nhập (username) và mật khẩu (password) được Công ty cấp cho cổ đông để truy cập vào Hệ thống ĐHCĐ của Công ty. Tài khoản truy cập được cấp dựa trên thông tin nhận diện hợp lệ của cổ đông đăng ký tại VSD.

15. *Mật khẩu một lần (OTP)* là mật khẩu chỉ sử dụng một lần trong khoảng thời gian nhất định để xác thực khi cổ đông thực hiện tham gia Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống ĐHCĐ của Công ty.

16. *Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến* là việc cổ đông sử dụng tài khoản truy cập để đăng nhập vào hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của Công ty tại từng thời điểm.

17. Các từ ngữ, thuật ngữ khái niệm chưa được định nghĩa trong Quy chế này sẽ được hiểu theo từng ngữ cảnh cụ thể trong Quy chế và các quy định có liên quan của Công ty và pháp luật.

### **Điều 3. Tổ chức Đại hội trực tuyến**

1. Tùy tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị quyết định áp dụng Đại hội theo hình thức Đại hội trực tiếp hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp Đại hội trực tiếp với Đại hội trực tuyến theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp tổ chức theo hình thức trực tuyến, Hội đồng Quản trị hoặc Ban tổ chức Đại hội do Hội đồng quản trị thành lập có trách nhiệm triển khai các thủ tục, công việc theo Quy chế này, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và có liên quan của pháp luật để phục vụ cho việc tổ chức Đại hội trực tuyến.

#### **Điều 4. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến**

1. Tất cả cổ đông đều có quyền tham dự Đại hội trực tuyến và biểu quyết bằng phiếu điện tử đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ theo quy định tại Quy chế này.

2. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và đăng nhập vào Hệ thống ĐHCĐ thì được coi là tham dự Đại hội.

#### **Điều 5. Điều kiện để cổ đông tham gia vào Hệ thống ĐHCĐ**

1. Có tên trong danh sách nhà đầu tư có quyền bỏ phiếu do VSD lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

2. Có thiết bị phù hợp (máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác) có kết nối internet để cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

3. Có số điện thoại di động do tổ chức cung cấp dịch vụ điện thoại di động tại Việt Nam cung cấp, đã đăng ký tại dữ liệu của VSD trước thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền.

#### **Điều 6. Bỏ phiếu điện tử tại Đại hội trực tuyến**

1. Cổ đông thực hiện quyền bỏ phiếu, biểu quyết thông qua Hệ thống ĐHCĐ theo hướng dẫn được gửi kèm thư mời họp hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Kết quả bỏ phiếu, biểu quyết của cổ đông trên Hệ thống ĐHCĐ có giá trị pháp lý như kết quả bỏ phiếu và biểu quyết trực tiếp tại Đại hội trực tiếp.

2. Cổ đông đăng nhập thành công vào Hệ thống ĐHCĐ và/hoặc thực hiện bỏ phiếu điện tử thì được xem là cổ đông có tham dự Đại hội.

3. Cổ đông đăng nhập vào Hệ thống ĐHCĐ và thực hiện bỏ phiếu kể từ khi Hệ thống ĐHCĐ mở để cổ đông bỏ phiếu cho đến khi kết thúc bỏ phiếu.

4. Cổ đông vẫn có thể dự họp và tham gia biểu quyết tại Đại hội trực tiếp hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự họp và tham gia biểu quyết tại Đại hội trực tiếp ngay cả khi đã thực hiện bỏ phiếu điện tử. Trong trường hợp này kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông sẽ bị hủy bỏ.

5. Nguyên tắc thực hiện

a) Cổ đông chỉ có thể thực hiện việc bỏ phiếu trên Hệ thống ĐHCĐ trong thời gian bỏ phiếu theo thông báo của Công ty.

b) Trong thời gian bỏ phiếu, cổ đông có thể thay đổi lại quyết định bỏ phiếu của mình trên Hệ thống ĐHCĐ. Số lần được phép thay đổi tối đa là 3 lần.

c) Kết thúc thời gian bỏ phiếu theo thông báo của Công ty, các cổ đông không được thay đổi kết quả bỏ phiếu của mình. Kết quả ghi nhận trên hệ thống ĐHCĐ tại thời

điểm kết thúc bỏ phiếu là kết quả cuối cùng, trừ trường hợp cổ đông đã bỏ phiếu điện tử nhưng sau đó tham gia Đại hội trực tiếp và bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội trực tiếp.

### **Điều 7. Quyền và trách nhiệm của cổ đông khi đăng ký tham gia Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử**

1. Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.

2. Vẫn có thể trực tiếp dự họp và tham gia biểu quyết tại Đại hội hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự họp và tham gia biểu quyết tại Đại hội trực tiếp ngay cả khi đã thực hiện bỏ phiếu điện tử.

3. Phải đăng ký thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc và/hoặc địa chỉ thư điện tử chính xác để đảm bảo nhận được thư thông báo tài khoản bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

4. Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật các tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác do Công ty cấp để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông mới có quyền sử dụng dịch vụ. Cổ đông phải sử dụng mọi biện pháp cần thiết để ngăn chặn việc sử dụng dịch vụ bởi những người không có thẩm quyền. Mọi quyết định của cổ đông trên Hệ thống ĐHCĐ sẽ được mặc nhiên là ý chí của Cổ đông. Cổ đông phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những rủi ro và thiệt hại do việc sử dụng tài khoản của cổ đông trên hệ thống ĐHCĐ của Công ty.

5. Cổ đông phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện tên truy cập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Công ty để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Cổ đông phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Công ty nhận được thông báo của Cổ đông.

6. Để đảm bảo an toàn cho Cổ đông trong quá trình truy cập Hệ thống ĐHCĐ, Công ty sẽ tạm thời khóa tên truy cập của Cổ đông nếu Cổ đông nhập sai mật khẩu vào hệ thống ĐHCĐ quá 03 lần.

7. Cổ đông phải tự chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp để đảm bảo theo dõi được diễn biến Đại hội và thực hiện bỏ phiếu điện tử.

### **Điều 8. Điều khoản khác**

1. Các nội dung liên quan đến lập danh sách cổ đông, thông báo mời họp, các thức tiến hành biểu quyết, điều kiện thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông,... mà không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Trường hợp xét thấy cần thiết, khi cần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Hội đồng quản trị có thể kết hợp lấy ý kiến cổ đông bằng phương thức bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Quy chế này.

#### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông cổ đông thông qua.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH**

**Lê Trọng Hiếu**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-CNNB-ĐHĐCĐ Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO**

## **NGHỊ QUYẾT**

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023  
Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;*

*Căn cứ kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên năm 2023 diễn ra vào ngày 18/4/2023 tại trụ sở Công ty, gồm các nội dung sau:*

*(1) Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch năm 2023, (2) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023, (3) Báo cáo của BKS về công tác năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023, (4) Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán, (5) Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, (6) Trình chế độ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023, (7) Báo cáo kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2022 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2023; trình tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch cho đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, (8) Trình xem xét và lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty, (9) Trình Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử,*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2022, phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch năm 2023, theo Báo cáo số 391/BC-CNNB-KHVTTH ngày 17/3/2023 của Giám đốc Công ty, với các nội dung chủ yếu như sau:

**1.** Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2022 như sau: Sản lượng nước là 71.105 ngàn m<sup>3</sup>, đạt 98,08% kế hoạch; tổng doanh thu 855.531 triệu đồng, đạt 101,60% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế là 26,592 triệu đồng, đạt 115,93% kế hoạch.

**2.** Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chủ yếu năm 2023 như sau: Sản lượng nước là 72.500 ngàn m<sup>3</sup>, tăng 1,96% so với năm 2022; tổng doanh thu 873.234 triệu đồng, tăng 2,07% so với năm 2022; lợi nhuận trước thuế là 27.900 triệu đồng, tăng 3,52% so với năm 2022.

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã kiểm toán.

**Điều 3.** Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023, theo Báo cáo số 412/BC-CNNB-HĐQT ngày 20/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty.

**Điều 4.** Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về công tác năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023, theo Báo cáo số 539/BC-CNNB-BKS ngày 28/3/2023 của Ban kiểm soát Công ty.

**Điều 5.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, theo Tờ trình số 540/TTr-CNNB-HĐQT ngày 28/3/2023 của Hội đồng quản trị như sau:

<b>Khoản mục</b>	<b>Số tiền (đồng)</b>	<b>Tỉ lệ phân phối (%)</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	26.952.458.632	
<b>Thuế TNDN</b>	6.196.427.295	
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>20.756.031.337</b>	<b>100,00</b>
1. Chia cổ tức (13,5% vốn điều lệ)	14.715.000.000	70,90
2. Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	388.625.000	1,87
3. Quỹ khen thưởng người lao động	5.652.406.337	27,23

- Đối với số tiền 10.110.950.306 đồng lợi nhuận sau thuế năm 2021 (điều chỉnh sau khi kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo số 1702/TB-KVIV ngày 30/12/2022 của Kiểm toán Nhà nước), Đại hội đồng cổ đông thông qua việc dùng phần lợi nhuận này để phục vụ theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo số 1702/TB-KVIV ngày 30/12/2022: “Rà soát, phân bổ lại giá vốn kinh doanh nước sạch tương ứng với doanh thu đến thời điểm cổ phần hoá, xác định lợi nhuận tăng lên phải nộp ngân sách nhà nước khi chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần”.

**Điều 6.** Thông qua chế độ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 theo Tờ trình số 541/TTr-CNNB-HĐQT ngày 28/3/2023 của Hội đồng quản trị như sau:

1) Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách được hưởng lương và các lợi ích khác theo hệ thống thang - bảng lương và thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

2) Thù lao của các thành viên không chuyên trách: Thành viên HĐQT là 7.000.000 đồng/người/tháng; Kiểm soát viên là 3.500.000 đồng/người/tháng.

**Điều 7.** Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2022 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2023; tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch của Công ty phát sinh cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, theo Tờ trình số 385/TTr-CNNB-HĐQT ngày 16/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty.

**Điều 8.** Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn 01 trong 03 công ty kiểm toán được Ban kiểm soát đề xuất tại Tờ trình số 384/TTr-CNNB-BKS ngày 16/3/2023 để thực hiện soát xét, kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2023, là một trong các đơn vị sau:

1) Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Tầng 2 tòa nhà Indochina, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

2) Công ty Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Lầu 5, Số 146 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

3) Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC) - Lầu 3 tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp sau khi Nghị quyết này được ban hành mà các đơn vị nêu trên không còn được kiểm toán theo quy định pháp luật thì Ban kiểm soát đề xuất đơn vị kiểm toán khác để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

**Điều 9.** Thông qua dự thảo Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của Công ty theo Tờ trình số 387/TTr-CNNB-HĐQT ngày 16/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử theo quy định.

**Điều 10.** Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TV. HĐQT Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Giám đốc Cty;
- Lưu HS.HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**Lê Trọng Hiếu**





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ/ ỦY QUYỀN THAM DỰ  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

*Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè*

Họ và tên cổ đông: .....

Tên người đại diện (nếu là tổ chức): .....

Số CMND/Hộ chiếu:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....

Địa chỉ .....

Hiện đang sở hữu (bằng số): ..... cổ phần Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

Bằng chữ: .....

Tôi/chúng tôi xác nhận việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè như sau: (Đánh dấu chọn 01 trong 02 mục dưới đây)

1)  **Tôi trực tiếp tham dự**

(Nếu chọn mục 1 này, quý vị không cần thực hiện mục số 2 tiếp theo)

2)  **Tôi ủy quyền cho:**

(Nếu chọn mục 2 này, quý vị chọn hoặc điểm a hoặc điểm b bên dưới)

a.  Ông Lê Trọng Hiếu - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

b. Ông/Bà.....

Số CMND/Hộ chiếu:..... ngày cấp:.....

Nơi cấp: .....

**Nội dung ủy quyền:** Bên được ủy quyền được đại diện cho bên ủy quyền thực hiện việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè, tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của bên ủy quyền tại cuộc họp. Quyền biểu quyết được tính tương ứng với số cổ phần của bên ủy quyền nêu trên.

Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị ngay khi phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè kết thúc hoặc được thay thế bằng văn bản hủy bỏ việc ủy quyền gửi đến Chủ tọa cuộc họp trước giờ khai mạc Đại hội theo quy định.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ khiếu nại nào về sau.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2023

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

**XÁC NHẬN THAM DỰ /ỦY QUYỀN**  
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

**GHI CHÚ:**

- ✓ Người được ủy quyền không ủy quyền lại cho người khác trừ khi có sự chấp thuận của bên ủy quyền và khi đi dự họp phải mang theo CMND/ Căn cước công dân/ Hộ chiếu và Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông của người ủy quyền.
- ✓ Giấy xác nhận này, sau khi được điền đầy đủ thông tin tham dự hay ủy quyền tham dự Đại hội và ký xác nhận, vui lòng gửi về: **Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè - Số 1179 đường Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh trước 16h00 ngày 14/4/2023 hoặc scan gửi qua email: nbw.tchc@gmail.com.** Khi đến dự Đại hội vui lòng mang theo bản chính (nếu chưa gửi bản chính về Công ty).

Mã số tham dự : NBW999  
Tên cổ đông : Trần Văn B



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

# PHIẾU BIỂU QUYẾT

Số cổ phần biểu quyết :

*ZZZ*

Sở hữu : xxx cổ phần

Được ủy quyền : yyy cổ phần



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022  
(đã được kiểm toán)

A member of  HLB International

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 33
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 33

HI  
CÔNG  
IANG  
IÁN 4

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Chi nhánh Cấp nước Nhà Bè theo Quyết định số 6659/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304789298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch	
Ông Lý Thành Tài	Thành viên	
Ông Bùi Thanh Giang	Thành viên	
Ông Lục Chánh Trường	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Lý Bửu Nghĩa	Thành viên	
Ông Võ Tấn Bảo Quang	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 21/04/2022
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/04/2022

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lý Thành Tài	Giám đốc	
Bà Nguyễn Ngọc Trang	Phó Giám đốc Kinh doanh	Bỏ nhiệm ngày 20/06/2022
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 24/01/2022
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 29/09/2022
Ông Phạm Chí Thiện	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/04/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Võ Thị Cẩm Tú	Trưởng ban
Ông Nguyễn Công Thành	Thành viên
Bà Phạm Thị Phương Linh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Lam	Thành viên

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

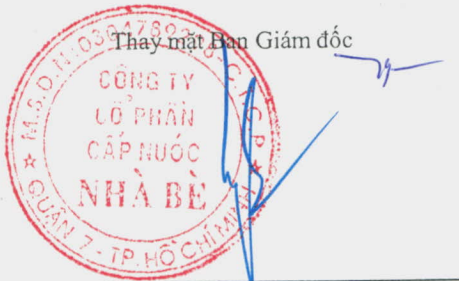
Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lý Thành Tài

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè được lập ngày 17 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thái

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1623-2023-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>155.253.657.812</b>	<b>118.435.309.045</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>58.090.668.494</b>	<b>56.496.653.961</b>
111	1. Tiền		37.090.668.494	36.496.653.961
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.000.000.000	20.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>55.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04	55.000.000.000	10.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>13.553.992.769</b>	<b>26.273.583.349</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	11.890.223.458	24.997.531.816
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	875.886.146	720.126.248
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	1.032.304.485	555.925.285
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(244.421.320)	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>09</b>	<b>27.053.550.625</b>	<b>24.037.952.875</b>
141	1. Hàng tồn kho		27.053.550.625	24.037.952.875
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.555.445.924</b>	<b>1.627.118.860</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	529.342.836	1.627.118.860
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.026.103.088	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>145.927.195.718</b>	<b>153.513.302.318</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>39.000.000</b>	<b>-</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	39.000.000	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>140.972.707.283</b>	<b>139.909.113.145</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	138.477.307.427	136.553.721.674
222	- Nguyên giá		468.653.258.403	439.401.553.060
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(330.175.950.976)	(302.847.831.386)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	2.495.399.856	3.355.391.471
228	- Nguyên giá		12.831.202.980	11.861.202.980
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.335.803.124)	(8.505.811.509)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>969.014.197</b>	<b>977.665.735</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		969.014.197	977.665.735
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.946.474.238</b>	<b>12.626.523.438</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	239.560.351	12.060.660.292
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.a	3.706.913.887	565.863.146
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>301.180.853.530</b>	<b>271.948.611.363</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>119.286.520.045</b>	<b>92.968.878.954</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>118.941.520.045</b>	<b>92.563.878.954</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	75.971.557.309	60.006.028.163
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	611.562.019	785.247.345
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	22.931.308.015	12.598.017.080
314	4. Phải trả người lao động		15.821.740.979	13.996.504.645
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	153.526.618	300.643.308
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	2.990.104.164	3.874.529.173
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		461.720.941	1.002.909.240
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>345.000.000</b>	<b>405.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	345.000.000	405.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>181.894.333.485</b>	<b>178.979.732.409</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>181.894.333.485</b>	<b>178.979.732.409</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		109.000.000.000	109.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		109.000.000.000	109.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		431.588.293	431.588.293
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		41.595.763.549	41.150.001.208
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.866.981.643	28.398.142.908
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		10.110.950.306	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		20.756.031.337	28.398.142.908
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>301.180.853.530</b>	<b>271.948.611.363</b>



Võ Thị Kim Loan  
Người lập



Vũ Thị Thùy Nga  
Kế toán trưởng



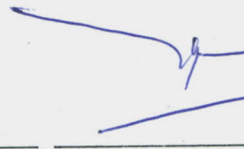
Lý Thành Tài  
Giám đốc

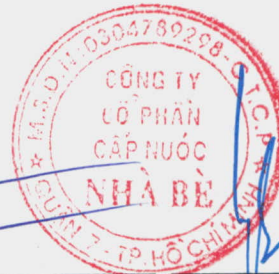
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2023


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	853.429.971.366	748.627.592.418
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		853.429.971.366	748.627.592.418
11	4. Giá vốn hàng bán	22	585.762.313.369	548.241.882.107
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		267.667.657.997	200.385.710.311
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.983.151.028	1.204.037.735
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	24	164.797.455.772	115.137.598.433
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	78.010.995.521	65.881.377.255
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.842.357.732	20.570.772.358
31	11. Thu nhập khác	26	118.164.416	16.781.085.300
32	12. Chi phí khác	27	8.063.516	2.370.064.841
40	13. Lợi nhuận khác		110.100.900	14.411.020.459
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.952.458.632	34.981.792.817
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	9.337.478.036	3.714.455.373
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.b	(3.141.050.741)	2.869.194.536
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		20.756.031.337	28.398.142.908
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.904	2.605

  
Võ Thị Kim Loan  
Người lập

  
Vũ Thị Thùy Nga  
Kế toán trưởng



  
Lý Thành Tài  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		26.952.458.632	34.981.792.817
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		31.518.493.945	33.935.953.490
03	- Các khoản dự phòng		244.421.320	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.986.787.392)	(1.313.128.644)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		56.728.586.505	67.604.617.663
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		11.842.263.432	(8.536.011.896)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.015.597.750)	(12.272.880.926)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		16.646.316.254	(10.194.681.493)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		12.918.875.965	(6.963.650.016)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.962.059.711)	(4.659.318.731)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.302.618.560)	(3.893.693.274)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		86.855.766.135	21.084.381.327
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(28.667.181.734)	(15.903.332.220)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		3.636.364	109.090.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(75.000.000.000)	(10.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.000.000.000	10.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.550.953.768	1.262.914.447
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(72.112.591.602)	(14.531.326.864)




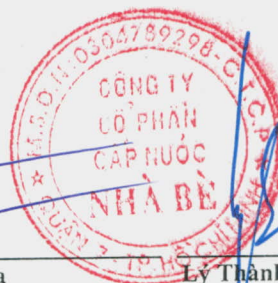
## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

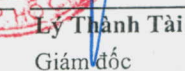
Năm 2022  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.149.160.000)	(12.350.133.445)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.149.160.000)	(12.350.133.445)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.594.014.533	(5.797.078.982)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		56.496.653.961	62.293.732.943
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>58.090.668.494</u>	<u>56.496.653.961</u>

  
Võ Thị Kim Loan  
Người lập

  
Vũ Thị Thùy Nga  
Kế toán trưởng



  
Lý Thành Tài  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Chi nhánh Cấp nước Nhà Bè theo Quyết định số 6659/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304789298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 109.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 109.000.000.000 VND; tương đương 10.900.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 389 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 384 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp, kinh doanh bất động sản, sản xuất nước tinh khiết.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất;
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp (trừ giám sát, khảo sát công trình);
- Xây dựng công trình cấp thoát nước. Lập dự án, thẩm tra thiết kế. Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;
- Bán buôn, bán lẻ nước tinh khiết, vật tư, thiết bị ngành nước, thiết bị lọc nước.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



## 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm, dịch vụ chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 . Tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	08 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

## 2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

09-0  
NHÀ  
C TY T  
KIỂM  
AAS  
TP. H

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 03 năm.

#### 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### 2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí điện, điện thoại,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### 2.15 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### 2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



#### 2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại  
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- b) Chính sách ưu đãi thuế  
Công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với thu nhập thuộc lĩnh vực hoạt động khai thác trên hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp: từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi đầu tư 10% trong thời hạn 13 năm còn lại từ năm 2009 đến năm 2021 và giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 9 năm (từ năm 2009 đến năm 2017).
- c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành  
Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### 2.18 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

#### 2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### 2.20 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch và diễn ra chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	184.674.995	62.893.954
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.905.993.499	36.433.760.007
Các khoản tương đương tiền (*)	21.000.000.000	20.000.000.000
	<b>58.090.668.494</b>	<b>56.496.653.961</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 21.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 5,7% đến 6,0%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	55.000.000.000	-	10.000.000.000	-
	<b>55.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2022, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 55.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 4,1%/năm - 8,0%/năm.



5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>				
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	162.584.468	-	1.207.007.674	
- Nhà máy nước Thủ Đức	-	-	2.130.000	
- Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch Sài Gòn	-	-	40.816.918	
	<b>162.584.468</b>	<b>-</b>	<b>1.249.954.592</b>	<b>-</b>
<b>Bên khác</b>				
- Các khách hàng sử dụng nước	11.491.578.973	(244.421.320)	23.221.891.867	-
- Các khách hàng lắp đặt đồng hồ nước	119.466.131	-	287.413.680	
- Khác	116.593.886	-	238.271.677	-
	<b>11.727.638.990</b>	<b>-</b>	<b>23.747.577.224</b>	<b>-</b>
	<b>11.890.223.458</b>	<b>(244.421.320)</b>	<b>24.997.531.816</b>	<b>-</b>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Saga	389.400.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Giải pháp Công nghệ Môi trường Việt Nam	121.801.925	-	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Bách Việt	41.547.600	-	-	-
- Công ty TNHH Thiết kế Quảng cáo An Vy	38.784.833	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	284.351.788	-	720.126.248	-
	<b>875.886.146</b>	<b>-</b>	<b>720.126.248</b>	<b>-</b>

7 . PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	672.087.671	-	239.890.411	-
Tạm ứng	-	-	80.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	232.000.000	-	232.000.000	-
Phải thu khác	128.216.814	-	4.034.874	-
	<b>1.032.304.485</b>	<b>-</b>	<b>555.925.285</b>	<b>-</b>

b) Dài hạn

	31/12/2022		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	39.000.000	-	-	-
	<b>39.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Monarch Laundry	244.421.320	-	-	-
	<b>244.421.320</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.113.566.441	-	8.434.123.293	-
Công cụ, dụng cụ	85.695.228	-	86.610.692	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	18.809.468.638	-	15.395.348.602	-
Thành phẩm	44.820.318	-	121.870.288	-
	<b>27.053.550.625</b>	<b>-</b>	<b>24.037.952.875</b>	<b>-</b>

(\*) Sản lượng nước sạch qua đồng hồ tổng của kỳ 12 cho phần doanh thu không tương ứng.

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>138.419.512</b>	<b>206.383.063</b>
- Phát triển mạng lưới cấp nước <sup>(1)</sup>	104.673.420	206.383.063
- Xây hầm đồng hồ tổng <sup>(2)</sup>	33.746.092	-
<b>Sửa chữa lớn</b>	<b>830.594.685</b>	<b>771.282.672</b>
- Chi phí sửa chữa ống mục <sup>(3)</sup>	229.588.534	312.111.778
- Di dời hệ thống cấp nước, xử lý giao cắt <sup>(4)</sup>	471.082.249	329.246.992
- Thay đai xám và ống nhánh	129.923.902	129.923.902
	<u><u>969.014.197</u></u>	<u><u>977.665.735</u></u>

<sup>(1)</sup> Phát triển mạng lưới cấp nước khu vực Huyện Nhà Bè

- Tên dự án: Phát triển mạng lưới cấp nước khu vực Huyện Nhà Bè;
- Địa điểm xây dựng: Huyện Nhà Bè;
- Mục đích xây dựng: Phục vụ công tác dẫn nước sinh hoạt từ Công ty đến các hộ dân và doanh nghiệp;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn tự có của Công ty;
- Tổng mức đầu tư: 1.864.303.674 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Quý III/2022 - Quý 1/2023;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2022: Dự án đang trong giai đoạn khảo sát và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình, chưa thực hiện công tác thi công.

<sup>(2)</sup> Xây dựng hầm đồng hồ tổng khu vực Quận 4, Huyện Nhà Bè năm 2022

- Tên dự án: Xây dựng hầm đồng hồ tổng khu vực Quận 4, Huyện Nhà Bè;
- Địa điểm xây dựng: Huyện Nhà Bè;
- Mục đích xây dựng: Phục vụ công tác dẫn nước sinh hoạt từ Công ty đến các hộ dân và doanh nghiệp;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn tự có của Công ty;
- Tổng mức đầu tư: 380.987.016 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Quý III/2022 - Quý 1/2023;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2022: Dự án đang trong giai đoạn khảo sát và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình, chưa thực hiện công tác thi công.

<sup>(3)</sup> Cải tạo mạng lưới cấp nước đường số 8 và hẻm Vườn Điều, phường Tân Quy, Tân Kiểng, Quận 7 năm 2022

- Tên dự án: Cải tạo mạng lưới cấp nước đường số 8 và hẻm Vườn Điều, phường Tân Quy, Tân Kiểng, Quận 7;
- Địa điểm xây dựng: Đường số 8 và hẻm Vườn Điều, P.Tân Quy, Tân Kiểng, Quận 7;
- Mục đích xây dựng: Phục vụ công tác dẫn nước sinh hoạt từ Công ty đến các hộ dân và doanh nghiệp;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn tự có của Công ty;
- Tổng mức đầu tư: 5.075.700.657 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Quý III/2022 - Quý 1/2023;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2022: Dự án đang trong giai đoạn khảo sát và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình, chưa thực hiện công tác thi công.

<sup>(4)</sup> Là các dự án di dời hệ thống ống cấp nước phục vụ các công trình nâng cấp đường và công trình xây dựng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	27.605.718.209	40.073.350.146	364.675.149.482	6.783.711.223	263.624.000	439.401.553.060
- Mua trong kỳ	-	2.065.127.272	1.749.218.143	2.280.490.364	-	6.094.835.779
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	25.533.883.698	-	-	25.533.883.698
- Thanh lý, nhượng bán	-	(621.468.000)	(1.505.519.897)	(181.988.637)	-	(2.308.976.534)
- Giảm khác	-	(68.037.600)	-	-	-	(68.037.600)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>27.605.718.209</b>	<b>41.448.971.818</b>	<b>390.452.731.426</b>	<b>8.882.212.950</b>	<b>263.624.000</b>	<b>468.653.258.403</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	16.215.465.966	27.083.543.420	254.350.339.216	4.934.858.784	263.624.000	302.847.831.386
- Khấu hao trong kỳ	1.054.087.774	4.456.743.223	23.283.729.477	893.941.856	-	29.688.502.330
- Thanh lý, nhượng bán	-	(621.468.000)	(1.505.519.897)	(181.988.637)	-	(2.308.976.534)
- Giảm khác	-	(51.406.206)	-	-	-	(51.406.206)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>17.269.553.740</b>	<b>30.867.412.437</b>	<b>276.128.548.796</b>	<b>5.646.812.003</b>	<b>263.624.000</b>	<b>330.175.950.976</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	11.390.252.243	12.989.806.726	110.324.810.266	1.848.852.439	-	136.553.721.674
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>10.336.164.469</b>	<b>10.581.559.381</b>	<b>114.324.182.630</b>	<b>3.235.400.947</b>	<b>-</b>	<b>138.477.307.427</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 194.026.499.511 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại ngày 31/12/2022, tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế lần lượt là 12.831.202.980 VND và 10.335.803.124 VND. Chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ là 1.829.991.615 VND.

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.808.036.580 VND.



13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	-	649.357.681
Công cụ dụng cụ xuất dùng	529.342.836	977.761.179
	<u>529.342.836</u>	<u>1.627.118.860</u>
b) Dài hạn		
Chi phí gắn đồng hồ nước	-	7.861.282.268
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	239.560.351	4.199.378.024
	<u>239.560.351</u>	<u>12.060.660.292</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>				
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên	63.652.343.857	63.652.343.857	51.251.539.949	51.251.539.949
	<u>63.652.343.857</u>	<u>63.652.343.857</u>	<u>51.251.539.949</u>	<u>51.251.539.949</u>
<b>Bên khác</b>				
- Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Nhân Việt	2.925.243.544	2.925.243.544	600.949.378	600.949.378
- Công ty TNHH Công trình Cấp thoát nước và Hạ tầng Đô thị M.A.T	2.380.784.980	2.380.784.980	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Du lịch Đất Nam	1.193.219.463	1.193.219.463	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Du lịch Hồng Đăng	771.653.123	771.653.123	882.227.653	882.227.653
- Phải trả các đối tượng khác	5.048.312.342	5.048.312.342	7.271.311.183	7.271.311.183
	<u>12.319.213.452</u>	<u>12.319.213.452</u>	<u>8.754.488.214</u>	<u>8.754.488.214</u>
	<u>75.971.557.309</u>	<u>75.971.557.309</u>	<u>60.006.028.163</u>	<u>60.006.028.163</u>

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Trả trước dịch vụ đồng hồ nước	456.380.296	627.211.367
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	155.181.723	158.035.978
	<u>611.562.019</u>	<u>785.247.345</u>

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ (đã điều chỉnh)	Số phải nộp đầu kỳ (đã điều chỉnh)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	495.173.394	5.284.569.692	6.805.846.174	1.026.103.088	-
Thuế Giá trị gia tăng dịch vụ thoát nước	-	-	9.805.057.788	9.046.083.597	-	758.974.191
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	745.258.401	9.337.478.036	2.962.059.711	-	7.120.676.726
Thuế Thu nhập cá nhân	-	333.122.735	2.157.036.543	2.019.686.922	-	470.472.356
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	2.784.396.149	4.926.472.435	4.492.775.235	-	3.218.093.349
Các loại thuế khác	-	-	3.500.000	3.500.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	8.240.066.401	111.198.045.527	108.075.020.535	-	11.363.091.393
	-	<b>12.598.017.080</b>	<b>142.712.160.021</b>	<b>133.404.972.174</b>	<b>1.026.103.088</b>	<b>22.931.308.015</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Trích trước tiền điện	49.245.676	45.250.568
- Trích trước tiền điện thoại	644.578	6.392.450
- Chi phí phải trả khác	103.636.364	249.000.290
	<b>153.526.618</b>	<b>300.643.308</b>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	-	243.491.001
- Bảo hiểm xã hội	9.978.699	7.859.100
- Phải trả về cổ phần hoá	-	11.204.668
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.403.472.000	1.329.722.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	400.049.035	469.209.035
- Phải trả kinh phí Đảng	-	55.487.187
- Phải trả tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	61.803.995	61.803.995
- Phải trả các khoản bảo hiểm	-	43.152.278
- Tiền được miễn giảm nhưng khách hàng đã đóng	919.559.874	1.357.392.428
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	195.240.561	295.207.481
	<u>2.990.104.164</u>	<u>3.874.529.173</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	345.000.000	405.000.000
	<u>345.000.000</u>	<u>405.000.000</u>

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	109.000.000.000	431.588.293	40.679.689.531	17.205.002.876	167.316.280.700
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	28.398.142.908	28.398.142.908
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	470.311.677	(470.311.677)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(4.744.691.199)	(4.744.691.199)
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	(11.990.000.000)	(11.990.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>109.000.000.000</b>	<b>431.588.293</b>	<b>41.150.001.208</b>	<b>28.398.142.908</b>	<b>178.979.732.409</b>
Số dư đầu kỳ này	109.000.000.000	431.588.293	41.150.001.208	28.398.142.908	178.979.732.409
Lãi trong kỳ này	-	-	-	20.756.031.337	20.756.031.337
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	445.762.341	(445.762.341)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(4.761.430.261)	(4.761.430.261)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	(13.080.000.000)	(13.080.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>109.000.000.000</b>	<b>431.588.293</b>	<b>41.595.763.549</b>	<b>30.866.981.643</b>	<b>181.894.333.485</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền VND
Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2021 dùng để phân phối	100,00%	18.287.192.602
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2,44%	445.762.341
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Ban điều hành	26,04%	4.761.430.261
Chi trả cổ tức (tương ứng 12% vốn điều lệ)	71,53%	13.080.000.000
Lợi nhuận giữ lại	0,00%	-
Điều chỉnh theo biên bản Kiểm toán nhà nước số 1702/TB-KV IV ngày 30/12/2022		10.110.950.306
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế còn lại</b>		<b>30.866.981.643</b>



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	53,44	58.252.700.000	53,44	58.252.700.000
- Công ty TNHH Nước sạch REE	20,02	21.821.000.000	20,02	21.821.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Á	10,00	10.900.000.000	10,00	10.900.000.000
- Các cổ đông khác	16,54	18.026.300.000	16,54	18.026.300.000
	<b>100</b>	<b>109.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>109.000.000.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	109.000.000.000	109.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<b>109.000.000.000</b>	<b>109.000.000.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	469.209.035	829.342.480
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	13.080.000.000	11.990.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ nay</i>	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(13.149.160.000)	(11.950.133.445)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(13.149.160.000)	(11.950.133.445)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ nay</i>	-	-
- <i>Giảm khác</i>		(400.000.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<b>400.049.035</b>	<b>469.209.035</b>

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.900.000	10.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.900.000	10.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.900.000	10.900.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	41.595.763.549	41.150.001.208
	<b>41.595.763.549</b>	<b>41.150.001.208</b>

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất không hủy ngang trả tiền hằng năm, cụ thể như sau:

Địa điểm thuê	Mục đích sử dụng	Thời hạn thuê	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )
- Số 470 Huỳnh Tấn Phát, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Trạm bơm	50 năm kể từ ngày 02/01/2007	1.170,3
- Số 1179 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Trụ sở Công ty	50 năm kể từ ngày 21/05/2004	5.015,0

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Các khách lẻ và doanh nghiệp	2.842.838.080	2.842.838.080
	<b>2.842.838.080</b>	<b>2.842.838.080</b>

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	845.977.419.850	742.466.346.890
Doanh thu dịch vụ nước sạch (thay gắn ĐHN, sửa chữa...)	2.994.422.309	1.643.290.552
Doanh thu nước Sawanew	2.749.176.483	2.707.473.313
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	116.360.471	86.261.943
Doanh thu khác	1.592.592.253	1.724.219.720
	<b>853.429.971.366</b>	<b>748.627.592.418</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)	<b>425.789.972</b>	<b>1.337.766.365</b>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	580.582.072.934	543.548.215.868
Giá vốn dịch vụ nước sạch (thay gắn ĐHN, sửa chữa...)	2.272.871.133	1.345.059.363
Giá vốn nước Sawanew	1.590.002.432	1.946.231.702
Giá vốn khác	1.317.366.870	1.402.375.174
	<b>585.762.313.369</b>	<b>548.241.882.107</b>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.983.151.028	1.204.037.735
	<b>1.983.151.028</b>	<b>1.204.037.735</b>

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.310.524.221	13.065.202.814
Chi phí nhân công	67.677.206.914	66.012.552.936
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.579.007.837	23.113.362.509
Chi phí chống thất thoát nước	16.838.276.387	10.610.771.329
Chi phí bán hàng nước Sawanew	1.068.463.744	1.061.447.981
Chi phí bằng tiền khác	9.323.976.669	1.274.260.864
	<b>164.797.455.772</b>	<b>115.137.598.433</b>

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.451.374.736	2.846.521.493
Chi phí nhân công	32.431.310.782	30.719.121.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.340.365.116	3.722.609.137
Chi phí dự phòng	244.421.320	-
Thuế, phí, và lệ phí	4.855.728.093	4.950.430.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.883.976.234	2.286.722.182
Chi phí khác bằng tiền	27.803.819.240	21.355.973.033
	<b>78.010.995.521</b>	<b>65.881.377.255</b>

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tăng theo Biên bản Kiểm toán nhà nước số 1702/TB-KV IV ngày 30/12/2022	-	15.929.810.806
Tiền lãi cổ đông không nhận	11.204.668	400.000.000
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.636.364	109.090.909
Thu nhập khác	103.323.384	342.183.585
	<b>118.164.416</b>	<b>16.781.085.300</b>

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tăng theo Biên bản Kiểm toán nhà nước số 1702/TB-KV IV ngày 30/12/2022	-	2.350.698.949
Các khoản bị phạt	923.238	12.039.847
Chi phí khác	7.140.278	7.326.045
	<b>8.063.516</b>	<b>2.370.064.841</b>

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	26.952.458.632	34.981.792.817
Các khoản điều chỉnh tăng	3.942.324.396	1.419.522.726
- Chi phí không được trừ	2.991.024.235	812.160.800
- Thủ lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách	588.000.000	588.000.000
- Các khoản phạt	7.919.731	19.361.926
- Điều chỉnh hóa đơn tiền nước các năm trước	355.380.430	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(15.705.253.705)	14.345.972.682
- Hoàn nhập chi phí bảo hiểm, lịch, thay đồng hồ và đai xám năm trước đã loại trừ	2.829.315.728	17.175.288.410
- Chi phí bảo hiểm, thay đồng hồ, đai xám, trụ tín hiệu, lịch	(18.534.569.433)	(2.829.315.728)
Thu nhập chịu thuế TNDN	46.600.036.733	22.055.342.861
Trong đó:		
Thu nhập ưu đãi thuế suất - thuế suất 10%	-	6.966.132.001
Thu nhập không được ưu đãi thuế suất - thuế suất 20%	46.600.036.733	15.089.210.860
Chi phí thuế TNDN đối với thu nhập được ưu đãi	-	696.613.200
Chi phí thuế TNDN đối với thu nhập không được ưu đãi	9.320.007.347	3.017.842.173
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>9.320.007.347</b>	<b>3.714.455.373</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	17.470.689	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	745.258.401	1.690.121.759
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(2.962.059.711)	(4.659.318.731)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>7.120.676.726</b>	<b>745.258.401</b>

29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.706.913.887	565.863.146
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>3.706.913.887</b>	<b>565.863.146</b>

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(3.141.050.741)	2.869.194.536
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(3.141.050.741)</b>	<b>2.869.194.536</b>





### 30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	20.756.031.337	28.398.142.908
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	20.756.031.337	28.398.142.908
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.900.000	10.900.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.904</b>	<b>2.605</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

### 31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.439.004.724	46.222.089.721
Chi phí nhân công	105.135.872.288	95.581.594.171
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.518.493.945	32.319.043.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.389.757.148	2.240.074.289
Chi phí khác bằng tiền	44.842.633.689	38.658.290.917
	<b>251.325.761.794</b>	<b>215.021.092.289</b>

### 32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.090.668.494	-	-	58.090.668.494
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.678.106.623	39.000.000	-	12.717.106.623
Các khoản cho vay	55.000.000.000	-	-	55.000.000.000
	<b>125.768.775.117</b>	<b>39.000.000</b>	<b>-</b>	<b>125.807.775.117</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.496.653.961	-	-	56.496.653.961
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.553.457.101	-	-	25.553.457.101
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	<b>92.050.111.062</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>92.050.111.062</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	78.961.661.473	345.000.000	-	79.306.661.473
Chi phí phải trả	153.526.618	-	-	153.526.618
	<b>79.115.188.091</b>	<b>345.000.000</b>	<b>-</b>	<b>79.460.188.091</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	63.880.557.336	405.000.000	-	64.285.557.336
Chi phí phải trả	300.643.308	-	-	300.643.308
	<b>64.181.200.644</b>	<b>405.000.000</b>	<b>-</b>	<b>64.586.200.644</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia định	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Cùng Công ty mẹ
Nhà máy nước Thủ Đức	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Cấp nước Cần Giờ	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân	Cùng Công ty mẹ
Xí nghiệp Cấp nước Sinh hoạt Nông thôn	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Truyền dẫn nước sạch Sài Gòn	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>425.789.972</b>	<b>1.337.766.365</b>
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	165.893.607	1.059.158.182
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn	-	25.409.091
- Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	65.881.805	44.145.455
- Công ty Cổ phần Cấp nước Gia định	-	35.500.000
- Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	181.486.357	138.636.364
- Nhà máy nước Thủ Đức	-	5.163.636
- Xí nghiệp Cấp nước Cần Giờ	-	2.655.455
- Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	-	636.364
- Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân	12.528.203	26.461.818

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị</b>	<b>1.133.025.128</b>	<b>1.062.447.342</b>
- Ông Nguyễn An - Chủ tịch <i>Miễn nhiệm ngày 01/09/2021</i>	-	368.792.387
- Ông Lê Trọng Hiếu - Chủ tịch <i>Bổ nhiệm ngày 01/09/2021</i>	629.025.128	189.654.955
- Ông Lý Thành Tài - Thành viên	84.000.000	84.000.000
- Ông Bùi Thanh Giang - Thành viên (*)	84.000.000	84.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thành viên <i>Miễn nhiệm ngày 21/04/2022</i>	28.000.000	84.000.000
- Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thành viên (*)	84.000.000	84.000.000
- Ông Lý Bửu Nghĩa - Thành viên (*)	84.000.000	84.000.000
- Ông Lục Chánh Trường - Thành viên (*)	84.000.000	84.000.000
- Ông Võ Tấn Bảo Quang - Thành viên <i>Bổ nhiệm ngày 21/04/2022</i>	56.000.000	-
<b>Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc</b>	<b>1.561.761.021</b>	<b>1.390.391.341</b>
- Ông Lý Thành Tài - Giám đốc	600.486.207	600.840.341
- Ông Dương Văn Hòa - Phó Giám đốc <i>Miễn nhiệm ngày 01/09/2021</i>	-	288.465.250
- Ông Phạm Chí Thiện - Phó Giám đốc <i>Miễn nhiệm ngày 21/04/2022</i>	144.874.250	501.085.750
- Bà Nguyễn Ngọc Trang - Phó Giám đốc <i>Bổ nhiệm ngày 20/06/2022</i>	274.772.988	-
- Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Phó Giám đốc <i>Bổ nhiệm ngày 24/01/2022</i>	418.956.471	-
- Ông Nguyễn Hoàng Tuấn - Phó Giám đốc <i>Bổ nhiệm ngày 29/09/2022</i>	122.671.105	-
	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Thu nhập của các thành viên Ban Kiểm soát</b>	<b>651.433.563</b>	<b>639.237.113</b>
- Bà Võ Thị Cẩm Tú - Trưởng ban	483.433.563	471.237.113
- Ông Nguyễn Công Thành - Thành viên	42.000.000	42.000.000
- Bà Phạm Thị Phương Linh - Thành viên	42.000.000	42.000.000
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh - Thành viên (*)	42.000.000	42.000.000
- Ông Nguyễn Hoàng Lam - Thành viên	42.000.000	42.000.000

(\*): Thù lao được Công ty chuyển về đơn vị chủ sở hữu (Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty TNHH Nước sạch REE)

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

C.T. H  
H  
TOÁN  
CHỈ M

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 căn cứ theo kết quả trong Thông báo kết quả Kiểm toán nhà nước số 1702/TB-KV IV ngày 30/12/2022.

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Hàng tồn kho	141	8.928.432.417	24.037.952.875	15.109.520.458	[1]
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	1.468.915.602	-	(1.468.915.602)	[3]
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9.563.535.924	12.598.017.080	3.034.481.156	[3]
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18.287.192.602	28.398.142.908	10.110.950.306	
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Giá vốn hàng bán	11	547.421.591.759	548.241.882.107	820.290.348	[1]
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	65.447.680.055	65.881.377.255	433.697.200	[2]
Thu nhập khác	31	851.274.494	16.781.085.300	15.929.810.806	[1]
Chi phí khác	32	19.365.892	2.370.064.841	2.350.698.949	[2]
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.500.281.370	3.714.455.373	2.214.174.003	[3]
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	18.287.192.602	28.398.142.908	10.110.950.306	

**Diễn giải điều chỉnh các chỉ tiêu**

- [1] Điều chỉnh giá vốn kinh doanh nước sạch năm 2021 và 2020 trở về trước không tương ứng với doanh thu khi lập báo cáo tài chính niên độ.
- [2] Tiền thuê đất phải nộp tăng thêm do điều chỉnh lại hệ số sử dụng đất của giai đoạn 01/07/2014 đến 31/12/2021 theo Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.
- [3] Điều chỉnh do tăng chi phí tiền thuê đất phải nộp, xác định lại chi phí dở dang nước sạch cuối năm và phân bổ lại giá vốn tương ứng với doanh thu nước sạch đã hạch toán.

  
Võ Thị Kim Loan  
Người lập

  
Vũ Thị Thùy Nga  
Kế toán trưởng

  
Lý Thành Tài  
Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

# HÃNG KIỂM TOÁN AASC

## **AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH**

**T:** (84.24) 3824 1990 | **F:** (84.24) 3825 3973

**E:** [aasc@aasc.com.vn](mailto:aasc@aasc.com.vn)

**A:** Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

## **AASC TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

**T:** (84.28) 3945 0505 - (84.28) 3945 0606 | **F:** (84.28) 3945 1106

**E:** [aaschcm@aasc.com.vn](mailto:aaschcm@aasc.com.vn)

**A:** Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

## **AASC TẠI QUẢNG NINH**

**T:** (84.2033) 627 571 | **F:** (84.2033) 627 572

**E:** [aascqn@aasc.com.vn](mailto:aascqn@aasc.com.vn)

**A:** Số 8 Chu Văn An, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam